

# L I Ề U T Ộ C

## Gia Phả

Kim Sơn - Ân Nghĩa – Hoài Ân – Bình Định

Sao lục 2009



# L I Ễ U T Ộ C

## Gia Phả

Kim Sơn - Ân Nghĩa – Hoài Ân – Bình Định

Sao lục 2009





## MỘT GIỜNG TỘC

Quan niệm rằng một tộc họ phải xuất phát từ một người, một nhóm người, tại một nơi – một điểm rất nhỏ nào đó trên hành tinh địa cầu bao la vĩ đại này, rồi từ đó mà sinh sôi nảy nở đông đúc lên, dần lan xê dịch rộng ra khắp các miền, các chốn, các lục địa của quả đất.

Rằng một tộc họ có một huyết thống, một sắc nét riêng biệt đặt thù của nó.

Rằng một tộc họ đều có một lịch sử nhất định của nó qua các biến thiên thay đổi xã hội, qua các thời đại mà nó phải sống và được phát huy theo quy luật nhất định.

Rằng con cháu hậu duệ một dòng tộc đều muốn hiểu biết cái quá trình tiến triển của tộc họ (tộc sử) khi tuổi đã trưởng thành với mục đích để:

- Tự hào với đời về đạo đức, về xu thế, về sinh hoạt của tộc họ mà trước đây đã từng thành công làm nên lịch sử (nếu có), thắng hoặc ngăn ngừa, xóa bỏ những tệ nạn xấu trong con cháu lập lại cái mới, cái hay, cái tốt lành hơn cho tộc họ sau này;
- Xác định và phân biệt tôn ti vai vế của lớp người đang cùng sống nhằm tạo nên sự đoàn kết chân thành làm nên sức mạnh cho tộc họ, giữ gìn trật tự xã hội theo đạo lý cổ truyền ở phương Đông (Á Châu);
- Làm cốt lõi nêu gương sửa mình, làm mục tiêu rèn luyện cho con cháu đời sau tiến thân;
- Biết được thời kỳ thịnh vượng hay suy thoái khiến tộc họ phải phát triển theo chiều hướng tập trung hay phân tán;
- Biết được những bối cảnh xã hội từng thời kỳ tạo nên những tâm tư, uẩn khúc trong dòng tộc;
- Đóng góp, sưu tập và hệ thống lại lai lịch nói riêng, lịch sử nói chung của tộc họ, gồm cả bên nội và bên ngoại;

Mọi người trong dòng tộc phải có trách nhiệm đóng góp vào lịch sử bằng cách:

- Phát huy đạo đức, hành động, phong độ của mình đúng với đạo lý, tiếp nối truyền thống của tiền bối;
- Sưu tầm và ghi chép vào lịch sử những việc được nghe có liên quan đến quá trình tiến triển của dòng tộc, hoặc ghi chép tiếp những điều cha mẹ, anh chị em, vợ chồng, con cái mình để bổ sung trải dài lịch sử dòng tộc sau này;
- Vận dụng lý trí tinh tường có cơ sở đối chiếu, nghiên cứu không gian, thời gian, phân xét các truyền thuyết liên quan đến dòng tộc mình để nhìn nhận nét chính, điểm nòng cốt của lịch sử;
- Bảo tồn và bảo vệ những điểm lai lịch đã được ghi rồi bổ sung hoặc phụ chỉnh vào các phần nhằm để đến một thời điểm nào đó sau này lịch sử dòng tộc ta sẽ hoàn chỉnh cụ thể như ý muốn;

Từ quan niệm và trách nhiệm dẫn giải nêu trên việc tự soạn lai lịch dòng tộc **“LIỄU PHƯỚC”** chúng ta là cấp thiết và cần thiết vậy.

Không thể xao lãng bỏ qua vì tộc họ ta ngày một đông đúc, ngày một trải dài khắp miền cùng xứ, kể cả ra ngoài nước nhiều chi lâm phái, thiếu đi bản lai lịch gốc, còn được gọi là **“GIA PHẢ”**, thì e rằng sẽ sinh nhiều phiền toái khó lường sau này! Bắt tay vào việc tu soạn **GIA PHẢ** này, soạn giả đã gặp phải khó khăn trước mắt là thiếu chứng tích, bút tích cũng như nhân chứng và giữ kiện, thật cả việc **“đội đá vá trời”**. Phải kiên nhẫn và một tinh thần tích cực vì tương lai hậu duệ của dòng tộc, công đức này xin hiến dâng trọn niềm lên tiên linh ông bà cao cổ nội ngoại, trong hiện tại, cô chú bác cậu dì cùng anh chị em mọi chi phái **Liểu tộc**, sau toàn thể con cháu gái trai nội ngoại, phò giúp hỗ trợ, xem xét bổ cứu để tiến tới một sự thống nhất nhìn nhận **Gia phả** này là chính yếu của

dòng tộc "**Liễu Phước**" – một chi phái của chính tộc **LIỄU** ở bản xứ (**PHƯỚC KIẾN – TRUNG HOA**) được hình thành phát triển tại **địa danh Kim Sơn Hoài Ân Bình Định (Việt Nam)**.

### *Tiếp nối đường* **TÂM NGUYÊN...**

Từ trong tiềm thức nhớ lại

*"Người ta sống ở trong trời đất  
Ai mà không bác mẹ sinh thành..."*

*Nhị thập tứ hiếu*

*Cây có cội, nước từ nguồn,*

*Chim còn nhớ tổ, người buồn làng tông!...*

Bức xúc lòng này cố công tìm lục lợi trong muôn một sự kiện dĩ vãng của dòng tộc "**Liễu Phước**" ghi chép lại để thành bản gia phả với những sở nguyện hoài bảo về lâu dài sau này sẽ hợp cùng bản gốc ở bản xứ **PHƯỚC KIẾN TỈNH TRUNG HOA**, hoặc truy tìm kết hợp các tông phái tộc **Liễu** khác còn rải rác trên đất nước Việt Nam này. Khó khăn trước mắt trong việc tu soạn này là:

- Thiếu dữ kiện chính thức liên hệ hoặc bút tích nào ghi chép để lại;
  - Chứng nhân cao niên am tường sử liệu đều quá
  - Không điều kiện tra cứu để sao lục từ bản gốc nơi quê quán Trung Hoa;
- Đành than rằng:

*Lần dò gia phả tông đường:  
Cha, ông sớm khuất, lời truyền hiếm hoi!  
Gặp cơn quốc biến lạc loài  
Thân chìm phận cá, tìm tòi tấm hơi...  
Gắng ghi nét chính để đời  
Sau, con, cháu, chắt gặp thời bỏ sung.  
Chim có tổ, người có tông  
Nội ngoại tương đồng, truyền thống rõ rang:  
Tộc ta vốn dĩ Phước Ban!  
Mạnh Hạ Bình Dân 1986  
**LIỄU THIÊN BA**  
**CÁN BÚT***

**CAO TỔ**  
**LIỄU PHƯỚC CANG**  
(1825 – 1878)

**SANH: ẤT DẬU 1825, NHÀ THANH TRUNG HOA**  
**QUÊ QUÁN: LÀNG TÚC TIỀN HUYỆN CHIÊU AN PHỦ VÂN TIÊU**  
**TỈNH PHƯỚC KIẾN NƯỚC TRUNG HOA**  
**MÃN PHẢN: NGÀY 23.03.MẬU DẦN 1878**  
**MỘ PHẢN: TẠI GÒ THIẾT ĐỈNH TRUNG LƯƠNG BỒNG SƠN HOÀI**  
**NHƠN BÌNH ĐỊNH**  
**TRÚ QUÁN: THỊ TRẦN BỒNG SƠN HOÀI NHƠN NĂM ẤT HỢI 1875**  
**CÁC CON:**  
**LIỄU PHƯỚC TOÀN – LIỄU PHƯỚC HÒA – LIỄU PHƯỚC HỘI –**  
**LIỄU THỊ TRUYỀN**

## MỘT DANH VÀ MỘT NGƯỜI...

Thuở ấy, năm 1875...

BÔNG SƠN – LẠI GIANG, Núi Bồng sông Lại – một thị trấn tương đối trù phú của phủ Hoài Nhơn tỉnh Bình Định, nằm trên trục Quốc lộ 1 nối hai miền nam bắc nước Việt Nam.

Thị trấn Bồng Sơn nằm trên ven sông Lại Giang phía Bắc, thơ mộng và hùng vĩ xiết bao! Núi sông tô đậm nét bút một tranh cảnh thiên nhiên, hai cây cầu đồ sộ kiến trúc hiện đại 4 vây 5 nhịp, một bằng sắt cho đoàn tàu lửa, một đúc bê tông cốt thép (bêton armi) với 2 nhịp tránh xe ô tô cơ giới nối liền cho quốc lộ 165 Bắc Nam

BÔNG SƠN – LẠI GIANG trên bến dưới thuyền phủ tỏa uy nghi đồ sộ, dọc 2 bờ quốc lộ, 2 dãy phố lâu, trệt lợp ngói kang trang, 2 hàng cây vòng đồng rậm mát, cảnh buôn bán suốt ngày nhộn nhịp. Sau dãy phố ấy là thôn làng với những hàng tre trồng dài thành lũy quanh năm rậm mát, nối liền những cánh đồng lúa màu mỡ giáp tít tận núi rừng. Đồn Bồng Sơn G.I (đồn lính khố xanh), nhà thương, Chùa Phật, trường học, Chợ và nhà ga là những công sự xây dựng bằng gạch ngói lịch sự và đẹp dễ nhất tạo nên cảnh trí thị trấn Bồng Sơn sầm uất văn minh thời bấy giờ.

Bồng Sơn Lại Giang nằm trong địa thế trung tâm của 2 miệt nguồn An Lão Kim Sơn và 2 Cửa Vạn Biển Bàu tượng Tam Quan nổi tiếng

“Chung tình nghĩa bạn biển nguồn,  
Núi non gửi xuống, Cá chuồng trao lên.”

Nơi đây đẹp cảnh giàu tình, khí hậu hiền hòa, gạo trắng nước trong, hoa thơm trái ngọt với đất sản thối rừng cá biển ... đã từng cảm chân bao khách lạ xa phương dừng chân đứng đợi để kinh doanh lập nghiệp. Dân cư thương nhân ở đây gồm 3 Việt 1 Hoa chung sống đề huề hữu hảo. Ngoài ra lác đác cũng còn gặp tốp 5 tốp 3 người sắc phục KaKi vàng dáng vẻ nghênh ngang tự đắc mà người dân đều chào gọi bằng Bác – Bác lính khố xanh!

Và cũng vào năm Ất Hợi 1875 – năm vua Tự Đức thứ 28, Bồng Sơn tiếp nhận thêm 2 người khách Trú (danh từ người Việt gọi người Hoa) gồm một tráng niên (Cha) một thanh niên (con) dừng bước lãng du để làm ăn sinh sống.

Đó là Cao tổ và Nội tổ dòng tộc Liễu Phước vậy.

### TIÊN THI GIẢNG BÚT

### DIỆU Ý

*Liễu xanh muôn thuở vẫn còn xanh;  
Phước Đức ông, Cha đã sẵn dành  
Gia thống: tôn ti gìn gốc đạo,  
Tộc truyền: nghĩa – khí giữ uy danh  
Bút sao tích lịch, phương xu thế,  
Kỷ niệm tương lai hướng thực hành.  
Lưu dấu nghìn năm, bia miệng để  
Hậu sinh tóng tộc? Dạ trung thành.*

Tiên cơ

Giảng bút

**PHỤNG GHI**

**ĐOAN NGỌ ĐÌNH MẢO**

1987

tại An lạc miếu phượng Cũ Nha Trang

## Thay lời đề tựa

### **QUAN NIỆM**

Rằng một tộc họ phải xuất phát từ một người, một nhóm người, tại một nơi – một điểm rất nhỏ nào đó trên hành tinh địa cầu bao la vĩ đại này, rồi từ đó mà sinh sôi nảy nở đông đúc lên, dần lan xê dịch rộng ra khắp các miền, các chốn, các lục địa hoàn cầu.

Rằng một tộc họ có một huyết thống, một sắc nét riêng biệt đặt thù của nó.

Rằng một tộc họ nào cũng đều có một lịch sử nhất định của nó qua các cuộc đổi thay xã hội, qua các thể chế đất nước mà nó phải sống và được phát triển theo quy luật nhất định.

Rằng con cháu hậu duệ một dòng tộc nào cũng đều muốn hiểu biết tối thiểu cái quá trình tiến triển của tộc họ được ghi lại gọi là **Tộc sử** hay gia phả khi tuổi đã trưởng thành với mục đích để:

- Xác định và phân biệt vai vế của lớp người trong họ đang cùng sống, nhằm tạo nên sự đoàn kết chân thành làm nên sức mạnh cho tộc họ, giữ gìn trật tự xã hội theo đạo lý Á Đông;
- Tự hào với đời về đạo đức, về xu thế sinh hoạt của tộc họ mà trước đây đã từng thành công làm nên lịch sử (nếu có), thắng hoặc ngăn ngừa hoặc xóa bỏ đi những tệ nạn xấu đã vấp phải để lập lại cái mới, cái hay cho tộc họ sau này;
- Làm cốt lõi nêu gương sửa mình, làm mục tiêu rèn luyện cho con cháu đời sau tiến thân;
- Biết được thời kỳ thịnh vượng hay suy thoái khiến tộc họ phải phát triển theo chiều hướng tập trung hay phân tán;
- Biết được những bối cảnh xã hội từng thời kỳ tạo nên những tâm tư, uẩn khúc trong dòng tộc;
- Đóng góp, sưu tập và hệ thống lại lai lịch nói riêng, tộc sử nói chung gồm đủ cả bên nội và bên ngoại;

Mọi thành viên trong “**Liểu Phước tộc**” có trách nhiệm đóng góp vào tộc sử bằng cách:

- Phát huy hành động đạo đức có phong độ của bản thân tiếp nối truyền thống của tiền bối;
- Lượm lặt để ghi tiếp vào tộc sử những việc được nghe có liên quan đến quá trình tiến triển của dòng tộc, hoặc cập nhật tiếp vào tộc sử những điều đã qua của cha mẹ, anh chị em, vợ chồng, con cái của từng chi phái thành viên;
- Bảo tồn và bảo vệ những điểm lai lịch đã được ghi, tiếp tục bổ sung phụ chính vào các phần để đến một thời điểm nào đó **Gia Phả Liễu Phước Tộc** được hoàn chỉnh cụ thể;
- Không thể chậm trễ hoặc bỏ qua hơn nữa để thiếu đi cơ sở sau này tra lục, e rằng hậu duệ chúng ta vô tình xảy ra nhiều phiền toái khó lường vì tộc họ ta ngày một đông đúc, trải dài khắp miền cùng xứ kể cả ra ngoài nước, chia nhiều chi lâm phái.

Lập lại “**Gia phả Liễu Phước**” tộc ta là một công việc khó khăn nhằn nại vì thiếu cả chứng tích, bút tích, mai một cả nhân chứng và dữ kiện của các thời đã

qua chỉ còn biết nhắm tính mà hệ thống các thời đại nên tránh sao khỏi sự thiếu sót. Hiến dâng công đức này lên Tiên linh cao cổ nội ngoại, trong hiện tại đến cô chú bác, cậu dì và sau là con cháu gái trai nội ngoại giúp đỡ hỗ trợ bằng cách xem xét bỏ cứu và thừa nhân chính thức quyền “GLA PHÁ” này rồi tiếp tục cập nhật mọi sự diễn tiến diễn biến của các chi phái khi có dịp thuận tiện.

Xin cảm ơn.

Đã được thông qua và nhận lời phê duyệt của Nội cố Hạ Phái

**LIỄU ĐÌNH NGÔ**

***Đại diện Tu soạn***

***Liễu Thiên Ba***

***Mạnh hạ Bính Dần 1986***

***tại Nha Trang***



*Quê hương Đất mẹ nghĩa tình,  
Chớ nên phụ rẫy nơi mình sản sinh!*

## QUÊ CHA ĐẤT TỔ

- 7 -

**KIM SON,...**

Một địa danh mới nghe như đã toát ra một ý nghĩa vừa tân kỳ, vừa trù phú, vừa lịch lãm giàu sang ... Nghĩa chính của hai chữ Hán Văn ấy là Núi Vàng

*Rực rỡ thay! Xán lạn thay!*

Đúng vậy, làng Kim Sơn là một thung lũng không rộng lắm (ước độ 4 km<sup>2</sup>) nhưng địa thế thật tuyệt vời. Nó là nơi tập trung phù sa của 4 ngọn nguồn sông suối (nghĩa điền, Phú Ninh, Nghĩa Nhon, Hội Văn) hợp lại; sau lưng phía tây ôm bọc bởi dãy núi Hòn Khô (tên lịch sử cách mạng là Hòn Kho) được gọi trại tiếp nối với 2 ngọn núi Lá và núi Vàng (nơi đây có mỏ vàng chưa khai thác qui mô. Thập kỷ 80 – 90 đông đảo dân các nơi quang gánh về đây đào đãi vàng thủ công). Trước mặt là hướng Đông có ngã hai (nơi nước giáp của 4 ngọn nguồn sông suối) được 2 hòn núi giăng che làm bình phong (hòn chùa Phú hữu, hòn Công xúc sơn) và cũng là trụ cổng thiên nhiên cho dòng sông tiếp chảy qua các miền trung du màu mỡ phía dưới để ra cửa biển Bàu Tượng xa xăm, huyện Hoài Nhơn, khoảng cách trên 40 cây số ngàn.

Kim Sơn – Bồng Sơn, khoảng cách của 30 cây số ngàn tuy không xa lắm so với mặt bằng của quả đất mỏng manh nhưng vào thuở ấy – đầu thế kỷ 20 con đường này cách trở nhọc nhằn như dài ra hằng vạn dặm, đường sá kheo khuất, lầy lội, phương tiện giao thông ngoài đôi chân dặm bộ, có con ngựa hay cái cán khiến giành cho khách phú hộ thương lưu quyền thế, và theo sông thì độc nhất chiếc ghe nen tre mà thôi.

Cuộc sống con người dù ở thời đại nào vẫn minh hay lạc hậu đều có từng sắc nét sống phù hợp với cảnh với tình của từng thời buổi ấy. Cứ nghe các câu hát trao duyên còn lưu truyền ở vùng này hẳn đã hình dung được cảnh cuộc sống thời ấy:

*“Không đi thì đói thì nghèo, mà đi thì sợ cái đèo Cây sung (1),*

*Không đi bạn nhớ bạn trông, có đi thì sợ cái đồng Bà Hai (2)”, rồi*

*“Thương nhau tam tứ núi cũng trèo,*

*Thất bát sông cũng lội, Cửu thập đèo cũng qua!”*

(1) Đèo Cây Sung nối Cửu Thành Vạn Định (Phù Mỹ) và

(2)

Chỉ người là tất cả, lòng người đã quyết thì dù khổ sở hay khó khăn đến mấy cũng chỉ là thử thách để tiến đến thành công mà thôi.

Kim Sơn lại có cảnh có tình đã từng cầm chân dừng đậu bao khách hào hoa lang bạt giang hồ xa lạ để gắn chặt cuộc đời với cỏ cây sông núi. Trong số khách ấy có **Nội Tổ Liễu Phước Toàn** tiên đạo khai lập **Thượng phái “Liễu Phước”** vậy.

## MỘT CUỘC ĐỜI

- □ -

**NỘI TỔ LIỄU PHƯỚC TOÀN**, tên thường gọi ở địa phương Kim Sơn, ông **Bái Thâu**, sinh năm Tân Hợi (1851) làng Túc Tiên huyện Chiêu An phủ Vân Tiêu tỉnh Phước Kiến – Trung Quốc, là con trai trưởng của **Cao tổ PHƯỚC CANG**.

Năm Ất Hợi (1875) quê nhà gặp thời khó khăn đã cùng với cha tìm đường sang Việt Nam để làm ăn lập nghiệp. Nơi cha con nội tổ dừng chân đầu tiên là thị trấn Bồng Sơn phủ Hoài Nhơn, Bình Định vì nơi đây gặp được bạn bè quê quán. Với bản tính hoạt động và sáng tạo, với năng khiếu thương trường lại gặp người bạn quán qua trước có cơ ngơi sản nghiệp giúp đỡ vốn liếng, người sấm quang gánh thuê tiểu đồng gánh hàng lên đường bán buôn tạp phẩm ở các miệt nguồn An Lão, Kim Sơn bằng đôi chân đi bộ. Người nói tiếng Việt bập bẹ lơ lớ, nghe và nói cỡ 20%.

Suy tư việc lập nghiệp của tuổi trẻ không tránh khỏi nông cạn đơn giản bằng đường ngắn nhất là cờ bạc! Nên người đã phải đôi lần sạt vốn đi buôn.

Kịp thức tỉnh lẽ đời, “*Cờ bạc là bác thằng bần, cửa nhà bán hết tra chân vào cùm*” và “*Của phi nghĩa để ngoài sân, của phù vân để ngoài ngõ*” mà trộm cướp và cờ bạc là 2 con đường làm ra của nói trên, thậm thía nhất là sự dối xử của những kẻ đồ bát mất hết cả nhân nghĩa tình người, còn tiền thì ông ông bác bác mà thua sạch rồi dùng vác mặt cúi lòn, nên người quyết lòng tạo lại vốn dứt bỏ cờ bạc và đổi tuyến đường qua nguồn Kim Sơn lập chí. Thật là “*hoàng thiên bất phụ hảo tâm nhơn*” trên tuyến đường mới này chỉ sau thời gian ngắn người đã thanh thỏa nợ nần còn dư ra vốn liếng kha khá mà nhất là được bà con cảm tình tin tưởng. Niềm vui chưa được bao lâu thì vào năm Mậu Dần (1878) trong một chuyến buôn dài ngày Cố Cang đã từ trần sau một cơn bạo bệnh quá ư đột ngột, chủ hiệu phải thuê người mai táng không có mặt con đưa tiễn lần cuối đời. Ôi ân hận ngậm ngùi thay! Cảnh sanh ly tử biệt một cảnh cuộc giang hồ nơi đất lạ quê người tứ cố vô thân!... Bơ vơ giữa chốn chợ đời xa lạ, nỗi buồn tang tóc bị ai, người nén dạ đau thương quyết chí lập trường xây dựng cơ đồ cho mai hậu. Trời vẫn còn chiều lòng người chí cả, một cuộc tình duyên vô tiền khoáng hậu giữa trai khách trú với gái nông trang quê mùa hiền đức. **Bà PHAN THỊ CƠ**, người con gái út của họ **Phan**, một gia đình thanh bần nông nghiệp, người bản xứ Kim Sơn. Hôn lễ được cử hành khiêm tốn với bốn phí vốn vẹn một “**TIỀN RUỞI**” rượu trà! (1)

(1) Đơn vị tiền tệ bấy giờ là đồng tiền bằng kẽm (ăn 3 và ăn 6) cách tính đôi bạc đồng: 1 tiền = 20 đồng ăn ...

Và cũng từ bây giờ mà phát xuất,

Người ngưng nghỉ việc buôn gánh bán rong, góp lại đồng vốn liếng, trên có ông dưới có bà đứng lập nên lò uơng tơ tằm, lập nhà phố bán thuốc bắc (*thuốc đông y*) và kinh doanh ruộng đất nông nghiệp. Không bao lâu thời gian, cơ sở vừa kinh doanh thương nghiệp vừa nông nghiệp của Nội Tổ đã thành một tổ chức quy mô nổi tiếng, nhân công bộ hạ lên hàng mấy trăm người.

*Thăng trầm, cõi đời thương y  
Chủ ông rở mặt, tỵ qui gia đình  
Xót lòng cố quận lân bang,  
Hồi hương dân độ mấy hàng đệ huynh.*

Mười năm sau khi đã lập nghiệp (1889) Nội Tổ về thăm lại quê quán Phước Kiến và đưa sang Việt Nam 3 người em ( 2 trai và 1 gái) cùng một số gia nhân và tiếp tục xây dựng cơ đồ nơi đây, lập nên tông tộc Liễu Phước gồm 3 hệ phái chính còn lưu kể đến ngày nay.

Qua truyền khẩu một số nét cuộc đời của nội tổ được ghi nhận lại tại địa phương Kim Sơn rằng:

Nhập trú vào làng Kim Sơn năm Đinh Sửu (1877) và mãn phần ngày 21 tháng Chạp năm Giáp Tý (1924) Thọ 74 tuổi và tang lễ được tổ chức to lớn tốn kém chưa từng có ở xứ sở này (Quan tài đưa đi bằng ghe nan, Cờ xí trống nhạc cùng người đi đưa theo dọc ven bờ sông và cứ độ 300 m thì đứng một trạm để tế đầu trung). Mộ phần đặt lưng chừng sườn núi được phát trồng độ 2 ha và xây bằng vôi vữa uy nghi đồ sộ tại Lý Phủ vịnh thôn Phú Ninh xã An Nghĩa ngày nay. Mộ phần này hiệp táng cùng bà nội tổ Phan Thị Cơ.

→ 1 tiền rười = 30 đồng tiền kẽm = 2 xu rười (1 đồng bạc 100 xu)

Còn được truyền lại rằng: Nội cố là con trai trưởng (và cũng có tin là con nuôi trưởng của **Tổ phụ Liễu Phước Cang**, một em trai thứ đầu tú tài ở quê quán chưa hề qua Việt Nam và sau đó còn 2 ông thứ 5, thứ 6 và 01 bà út thứ 7 được nội tổ đưa sang Việt Nam cùng lập nghiệp chung ở Kim Sơn.

Lúc sinh thời, Nội tổ sống rất bình dị và cởi mở, nếp sống đơn giản thường nhật ngủ vào lúc 20 giờ và dậy lúc 01 giờ sáng. Sau khi ăn một bát cháo hầm với muối rang, tân xại, (một loại dưa món Trung Quốc) hoặc hột vịt muối uống 2 cốc trà Tàu rồi đi dạo quanh gia viên để đến 4 giờ sáng đánh thức người nhà dậy vào công việc rồi người vào ngủ lại đến 8 giờ sáng. Rất hiếu khách, tế nhị trên giao tế nên được lòng với mọi người địa phương mà đó là mưu lược và kế hoạch làm giàu lớn ở thôn quê. Người xử thế đúng đạo lý thánh hiền, coi trọng láng giềng mỗi nhân nghĩa nêu cao gương hiếu để trong thân tộc và luôn hoài vọng về quê hương bản xứ. Đặc biệt, người ham mê văn học, võ thuật cần thầy dạy trong nhà và không ưu rệu chế cờ bạc...

Người phô trương kinh doanh về thương mại lấy ngắn nuôi dài về điền địa nông nghiệp mới hợp cách lập nghiệp ở nông thôn. Suy ngẫm về tài lược làm giàu của người tướng cũng hiếm lắm thứ ấy. Đến cuối đời số con trai gái lên đến vài mươi và trừ số tài sản công cho gia tộc ( 2 hương hỏa, tuyệt tự và phụ tử phần thực của mỗi người con tồ thiếu ba mươi mẫu (phú nông) và ít ra cũng 4 người con trai (thứ 4, 8, 13, 15) lên hàng địa chủ (trên dưới 100 mẫu) và người con trai út thứ 19 cũng vào bậc phú nông.



## Liễu Phước Cang 1825 – 1878

Quê quán: Làng Túc Tiên, huyện Chiếu An, phủ Vân Tiêu, tỉnh Phước Kiến Trung Quốc  
Lập nghiệp: Thôn Kim Sơn, xã Ân Nghĩa, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định Việt Nam

A

Liễu Phước Toàn  
★ Phan Thị Cơ  
★ ★ Nguyễn Thị Phát  
★ ★ ★ Nguyễn Thị Hảo



- ★
1. Liễu Thị Thâu
  2. Liễu Thị Hội
  3. Liễu Thiện Nguyên
  4. Liễu Trường Thành
  5. Liễu Thị Mười
  6. Liễu Thị Chúc
  7. Liễu Trường Đề
  8. Liễu Văn Huynh (Dưỡng tử)
  - ★ ★ ★
  9. Liễu Lập Chánh
  10. Liễu Thị Huỳnh
  11. Liễu Văn Rợ
  12. Liễu Văn Cừ
  - ★ ★

13. Liễu Thị Cẩm (Con ngoại hôn)
14. Liễu Thị Hẹ (Con ngoại hôn)

B

Liễu Phước Hoà  
★ Trần Thị Ty



- ★
1. Liễu Thị Tà
  2. Liễu Thị Ưông
  3. Liễu Phước Văn
  4. Liễu Thiệu Đào
  5. Liễu Thiệu Hưng
  6. Liễu Phước Văn
  - ★ ★
  7. Liễu Diệp Thính
  8. Liễu Thị Thực
  9. Liễu Minh Châu

C

Liễu Phước Hội  
Trần Thị Mẫn



1. Liễu Thị Thiệp
2. Liễu Thị Tiếp
3. Liễu Đình Ngộ
4. Liễu Đình Phùng
5. Liễu Thị Ngộ

D

Liễu Thị Truyền  
(triệt tự)

## A

**LIÊU PHƯỚC TOÀN 1851 – 1924**  
**PHAN THỊ CỎ**  
 1856 – 1926  
**NGUYỄN THỊ HẢO**  
 1873 – 1930

### A1.

**Liêu Thị Thâu 1878 – 1940**  
**Nghiêm Trang**

1. Nghiễm Thị Hiến
2. Nghiễm Luận
3. Nghiễm Đàm
4. Nghiễm Thị Phố
5. Nghiễm Thị Mên
6. Nghiễm Bình
7. Nghiễm Thị Hời
8. Nghiễm Thị Úc

### A3.

**Liêu Thiện Nguyên 1882 – 1913**  
**Lâm Thị Truyền**

1. Liêu Xuân Cát
2. Liêu Thị Bôi
3. Liêu Thị Cừ
4. Liêu Phước Tăng

### A4.

**Liêu Trường Thành 1886- 1942**  
**★ Phương Thị Thắng**  
**★ ★ Phạm Thị Đại 1884 – 1942**  
**★**

1. Liêu Văn Thị (dưỡng tử) 1903
2. Liêu Thị Thừa 1908 – 1947
3. Liêu Kim Hữu 1912 – 1972
4. Liêu Phước Cự 1915 – 1952
5. Liêu Hồng Sơn 1918 – 1996
6. Liêu Thị Toại 1921 – 1996
7. Liêu Minh Ân 1924 – 1949
8. Liêu thị Lự 1927 - 1930
- ★ ★ 9. Liêu Thị Nhung 1916 – 1997
10. Liêu Thị Nghiễm 1918 – 1999
11. Liêu Thị Ảnh 1922 – 2008
12. Liêu Thị Trúc 1924

### A2.

**Liêu Thị Hời 1880 – 1908**  
**Trần Công Lợi**

1. Trần Tư
2. Trần Thị Bàn
3. Trần Thích
4. Trần Châm
5. Trần Nhâm
6. Trần Thị Mị

### A5.

**Liêu Thị Mười 1893 - 1936**  
**Nguyễn Trung**

1. Nguyễn Thị Mậu
2. Nguyễn Xước
3. Nguyễn Lang
4. Nguyễn Thống
5. Nguyễn Thị Hoa
6. Nguyễn Chín

### A6.

**Liêu Thị Chúc 1897 - 1923**  
**Trần Đạt**

1. Trần Nhân
2. Trần Lương

### A7.

**Liêu Trường Đề 1899 – 1942**  
**★ Diệp Thị Bỉ**

**★ ★ Huỳnh Thị Khéo**  
**★**

1. Liêu Thị Mơ 1916 - 1934
2. Liêu thị Sáng 1918
3. Liêu Văn Diên 1921 - 1937
4. Liêu Văn Dung 1924 - 1931
5. Liêu Thị Thước 1925
6. Liêu Thị Đa 1930

**★ ★**

7. Liêu Thị Quý 1936

8. Liêu Thị Mùi 1941

9. Liêu Văn Mạo (Dưỡng tử) 1939

10. Liêu Phước Thọ 1941

### A8.

**Liêu Văn Huynh 1882 – 1994**  
**(dưỡng tử)**



1. Liêu Văn Lý
2. Liêu Văn Quyền
3. Liêu Văn Thế

## 1A

### A9.

Liều Lập Chánh 1901 – 1956

★ Lê Thị Nhạn 1907 – 1960

★★ Ngô Thị Kiếm 1899

★

Liều Thị Ân 1927

Liều Thiên Chi 1930

Liều Thiên Dịch 1932

Liều Minh Quyền 1936 - 1965

Liều Thiên Đức 1938

Liều Phước Thọ 1941

Liều Thiên Trường 1947 - 1985

★★

Liều Thiên Ba 1928

Liều Văn Quyền 1936 (Mất 3 th.tuổi)

Liều Văn Khôi 1938 (Mất 3 th.tuổi)

### A10.

Liều Thị Huỳnh 1906 1943

Đr Mùi (Triệt Tự)

### A11.

Liều Văn Rợ 1909 – 1910

### A12.

Liều Văn Cử

★ Nguyễn Thị Linh

★★ Võ Thị Ân

★

Liều Văn Trợ

Liều Văn Giáo

Liều Thị Huân

★★

Liều Thị Bê

Liều Văn Dự

Liều Văn Bị

### A13.

Liều Thị Cẩm 1885 – 1940 (Ngoại hôn)

Huỳnh Ngao



Huỳnh Thị Lòng

Huỳnh Can

Huỳnh Ty

Huỳnh Thị Côi

Huỳnh Trần

### A14.

Liều Thị Hẹ (Ngoại hôn)

★ Trần Kinh

★★ Nguyễn Tư



★ Trần Văn Sách

Trần Nguyễn Thành Nờ

★★

Nguyễn Thị Ký

Nguyễn Hiều Tài

Nguyễn Thanh Hoá

## 2A

1. Liều Thị Thấu 1878- 1940  
Nghiem Trang

### 1.1

Nghiem Thị Hiên



Dặng Càng

### 1.2

Nghiem Luận



Nghiem Viêt Hùng

### 1.3

Nghiem Đàm



Nghiem Thị Tê  
Nghiem Thị Nén

### 1.6

Nghiem Bình  
Nghiem Thị Thanh Vân



Nghiem On  
Nghiem Cao Quang  
Nghiem Thị Ngọc

### 3.3

Liều Thị Cửu 1904 - 1949  
Tôn Thất Nguyễn Phước Lược



Tôn Thất Ng Phước Linh Lý 1924 -  
1999

Tôn Nữ Kim Thanh 1930 - 1947

Tôn Nữ Kim Nga 1932

Tôn Nữ Kim Chi 1935 - 1986

### 3.4

Liều Phước Tăng 1907 - 1940  
Trầm Thị Sen



Liều Phước Hồng

### 4.1

Liều Văn Thi (dưỡng tử) 1903  
Bùi Thị Cẩm



Liều Văn Lạc 1930

### 4.2.6

★ Liều Thị Thừa 1908 - 1947

★ ★ Liều Thị Toại 1921 - 1996

Mai Văn Trinh 1905-2003



★

Mai Trung Bửu 1936

Mai Thu Cúc 1939

★ ★

Mai Cao Dũng 1949

Mai Thiện Đức 1951- 2003

### 4.3

Liều Kim Hữu 1912- 1972

★ Nguyễn Thị Phùng 1916

★ ★ Nguyễn Thị Ngọc Bích 1916-  
1994



★

Liều Thị Thanh Tòng 1936

★ ★

Liều Kim Trinh 1938

Liều Ngọc Dzu 1942

Liều Ngọc Trai 1946

Liều Ngọc Thinh 1952

Liều Ngọc Thịnh 1956

Liều Kim Liên 1960

### 3A

#### 4.4

**Liễu Phước Cự 1915- 1952**  
**Hồ Thị Chử**



Liễu Phước A 1938 - 1942  
Liễu Phước Tường 1941  
Liễu Hồng Quang 1944  
Liễu Hồng Đạt 1947

#### 4.5

**Liễu Hồng Khanh 1918- 1996**  
**Nguyễn Thị Thêm 1918- 1995**



Liễu Thị Kim Cẩm 1943 - 1945  
Liễu Thị Kim Cúc 1943  
Liễu Thị Kim Hoa 1944  
Liễu Quốc Thanh 1949  
Liễu Hồng Tấn 1951  
Liễu Quốc Hùng 1954  
Liễu Thị Kim Liên 1957  
Liễu Hồng Lực 1960  
Liễu Hồng Thiện 1969 - 2002  
Liễu Thị Tuyết Thu (ngoại hôn) 1969

#### 4.7

**Liễu Minh Ân 1924- 1949**  
**Nguyễn Thị Nguyệt Chiếu**



Liễu Thị Kim Hương  
Liễu Minh Triết

#### 4.9.10

★ **Liễu Thị Nhung 1916 - 1997**  
★ ★ **Liễu Thị Nghiễm 1918 - 1999**  
**Nguyễn Sĩ Kinh 1910 - 1990**



Nguyễn Thị Á 1940- 1942

#### 4.11

**Liễu Thị Ảnh 1922 - 2008**  
**Trần Văn Nam 1918**



Trần Quốc Ứng 1941  
Trần Quốc Thuận 1944  
Trần Thị Mỹ Khánh 1947  
Trần Thị Mỹ Tuyết 1951  
Trần Quốc Đạt 1958  
Trần Quốc Dũng 1961

#### 4.12

**Liễu Thị Trúc 1924**  
**Võ Cự Nguyên**



Võ Minh Cảnh  
Võ Ngọc Tân Thủy  
Võ Thị Tùng  
Võ Thanh Đình  
Võ Thị Phụng  
Võ Thị Hoa

#### 5.

**Liễu Thị Mười 1893- 1936**  
**Nguyễn Trung**

#### 5.1

**Nguyễn Thị Mậu**  
**Lê Trình Kỳ**



**Lê Thị Diệp (mẹ Tiên Xu)**

#### 4A

##### 5.2

Nguyễn Xước (Bốn Nhàn)  
Nguyễn Thị Lý



Nguyễn Nhàn (con Nguyễn Phương)  
Nguyễn Thị Hồng  
Nguyễn Thị Phong  
Nguyễn Tấn (Thành Mỹ)  
Nguyễn Lực

##### 5.4

Nguyễn Thống



Nguyễn Sứ

##### 5.6

Nguyễn Chín  
Hà Thị Sen (1924- 2008)



Nguyễn Ngọc Thanh  
Nguyễn Xuân Tùng  
Nguyễn Quốc Việt  
Nguyễn Thế Đức  
Nguyễn Thị Bền

##### 7.5

Liều Thị Thuộc 1925  
Nguyễn Văn Ngán



Nguyễn Thị Nhị  
Nguyễn Văn Lê  
Nguyễn Thị Phương  
Nguyễn Văn Hòa  
Nguyễn Thị Bích Loan  
Nguyễn Văn Thìn  
Nguyễn Văn Ngộ

##### 7.6

Liều Thị Đa 1930  
Lê Quang Cánh



Lê Thị Sâm  
Lê Nhật Hồng  
Lê Thị Quấn  
Lê Thị Xuyên  
Lê Ngọc Huy  
Lê Nhật Hội  
Lê Nhật Song  
Lê Thị Minh Hằng  
Lê Ngọc Bửu  
Lê Ngọc Hưng  
Lê Ngọc Thịnh

##### 7.7

Liều Thị Quý 1936  
Lê Bộ



Lê Thị Hiền  
Lê Hậu  
Lê Hân  
Lê Thị Hoàng

##### 7.8

Liều Thị Mùi  
Nguyễn Văn Tường

##### 7.9

Liều Phước Thọ  
Phan Thị Lữ



Liều Thị Thanh Phương  
Liều Phúc Phương  
Liều Hoàng Phương  
Liều Thị Ai Phương

## 5A

7.10

Liễu Huỳnh Văn Mèo  
Nguyễn Thị Trân



Liễu Huỳnh Thị Hải  
Liễu Huỳnh Thị Hữu  
Liễu Huỳnh Thị Hoa  
Liễu Huỳnh Văn Hiệp  
Liễu Huỳnh Thị Hành  
Liễu Huỳnh Văn Hưng

## 9.1

Liễu Thị Ẽn 1927

Trần Châu Du 1924 – 1986



Trần Thị Phi 1957  
Trần Châu Vược 1961  
Trần Thị Tuyết 1963  
Trần Châu Bửu 1967  
Trần Châu Dũng 1961

## 9.2

Liễu Thiên Ba 1928

★ ★ ★ Nguyễn Diễm Lệ

★ ★ ★ Nguyễn Thị Thiện

★ ★ ★ Đặng Thị Duyên



★ ★ ★ Liễu Hoài Mỹ 1952 – 1974  
Liễu Hạnh Đào 1953  
Nguyễn Minh Tâm (Dưỡng tử) 1955  
Trần Quang Vinh (Nghĩa tử) 1952  
Trần Phi Tuấn (Nghĩa tử)  
★ ★ ★ Liễu Đặng Thiên Kim 1962  
Liễu Đặng Hoài Trung 1963  
Liễu Đặng Khánh Trang 1966  
Liễu Đặng Tuấn Trang 1969

## 9.3

Liễu Thiên Chi 1930

★ ★ ★ Nguyễn Thị Kim Khánh

★ ★ ★ Lê Thị Năm



★ ★ ★ Liễu Vạn Ngọc 1952 – 1998  
Liễu Thị Liên 1955  
Liễu Vạn Thê 1956  
★ ★ ★ Liễu Vạn Kỳ 1959 – 1962  
Liễu Vạn Xuân 1961  
Liễu Vạn Tuế 1962  
Liễu Vạn Năng 1965  
Liễu Thị Hoài Nguyên 1967  
Liễu Vạn Dĩ 1969  
Liễu Vạn Đắc 1972

## 9.4

Liễu Địch 1932

Dương Thị Chi Lan 1936



Liễu Thị Huệ 1955  
Liễu Thị Quế 1959  
Liễu Thị Đào 1960  
Liễu Hồng Mai 1962  
Liễu Hồng Anh 1963  
Liễu Vạn Hòa 1965  
Liễu Vạn Tân 1966  
Liễu Vạn Quang 1968  
Liễu Vạn Huy 1972

## 9.5

Liễu Minh Quyền 1936 – 1965

Bùi Văn Hinh



Bùi Duy Vũ 1963

## 9.6

Liễu Thiên Đức 1938

Ngô Thị Bé Tư



Liễu Thị Như Phương 1969  
Liễu Thị Thùy Dung 1970  
Liễu Vạn Bảo Trân 1971  
Liễu Vạn Bảo Châu 1973  
Liễu Thị Thùy Nhiên 1974  
Liễu Thị Như Quỳnh 1983



6A

9.8

Liều Thiên Lộc 1943

★ Nguyễn Thị Thùy Giang

★ ★ Lê Thị Xuân Thu



★ Liều Thị Hoài Yên 1973

Liều Thị Thúy Yên 1975

★ ★ Liều Vạn Thắng 1984

Liều Thị Thu Vân 1988

14.3

Liều Văn Giáo

Thị Lịch



Liều Thị Phương

14.4

Liều Thị Bê

Đặng Lợi



Đặng Quang Vinh

Đặng Thị Hạnh

Đặng Quang Minh

Đặng Quang Bình

14.5

Liều Văn Dự

★ Thái Thị Xuân Lang

★ ★ Đặng Thị Nga



★

Liều Thị Bích Phượng

Liều Văn Long

Liều Văn Tâm

Liều Văn Mậu

★ ★

Liều Thị Bích Loan

Liều Thị Bích Huệ

Liều Thị Bích Thủy

Liều Minh Tuấn

Liều Thị Bích Phương

Liều Thị Bích Liên

14.6

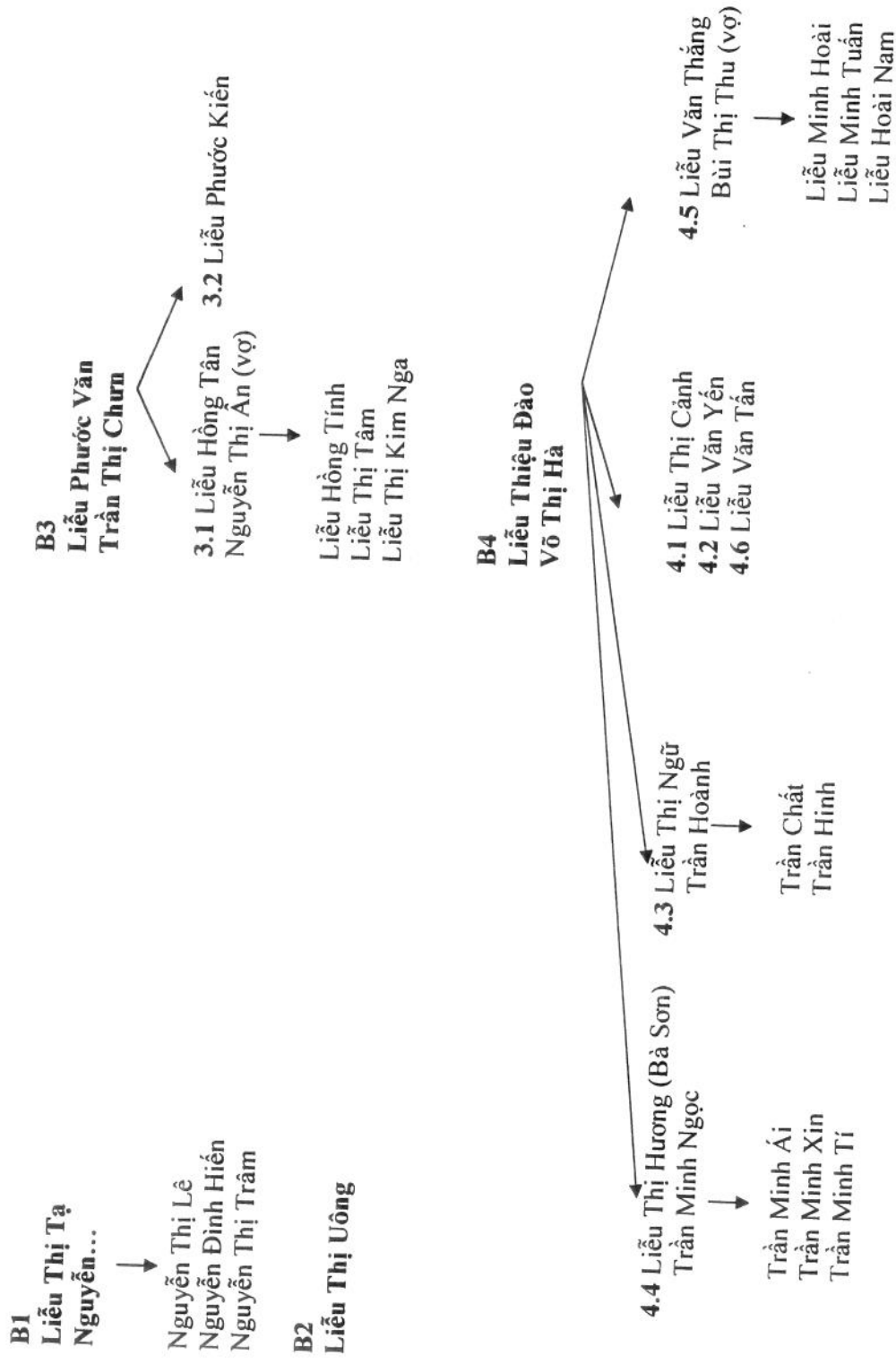
Liều Văn Bị

Long Thế Huệ



Liều Long

**B. Liều Phước Hòa 1853- 1930**  
**Trần Thị Ty**



**1B**

**B5**

**Liều Thiệu Hưng**



**5.1 Liều Hồng Hải Trương Thị Cháp (vợ)**



Liều Hồng Lực  
Liều Hồng Cường  
Liều Thị Lê  
Liều Thị Hằng

**B6**

**Liều Phước Ván**

**B7**

**Liều Diệp Thỉnh**



**7.1 Liều Thị Môn  
7.3 Liều Thị Vân Anh  
Trần Văn Yến**

**7.2 Liều Hồng Phong  
Nguyễn Thị Liên**



Trần Văn Hùng

Liều Minh Bằng  
Liều Hồng Quân

**B8**

**Liều Thị Thục**

## 2B

B9 Liễu Minh Châu (1900 1964)

★ Nguyễn Thị Phỉ

★ ★ Phan Thị Một



★

9.1 Liễu Phước Bình

9.2 Liễu Thị Thìn

9.3 Liễu Phước Bốn

★ ★

9.4 Liễu Thị Xuân (tu sĩ)

9.2

Liễu Thị Thìn

Nguyễn Như Cẩm



Nguyễn Thị Thanh

Nguyễn Phương Chuẩn

9.3

Liễu Phước Bốn 1931

Nguyễn Thị Xuôi



Liễu Văn Phòng

Liễu Thị Huệ

Liễu Thị Mai

Liễu Thị Đào

Liễu Văn Sương

Liễu Thị Thu Rơi

Liễu Thị Thu Rớt

Liễu Hồng Diệp

Liễu Thị Đảnh

Liễu Thị Nhàn

## **C.Liêu Phước Hội 1856- 1908** **Trần Thị Mẫn**

**1.**  
**Liêu Thị Thiệp (1897-1947)**  
**Trần Linh**



**1.1 Trần Thị Lư**  
**Huỳnh Soi**

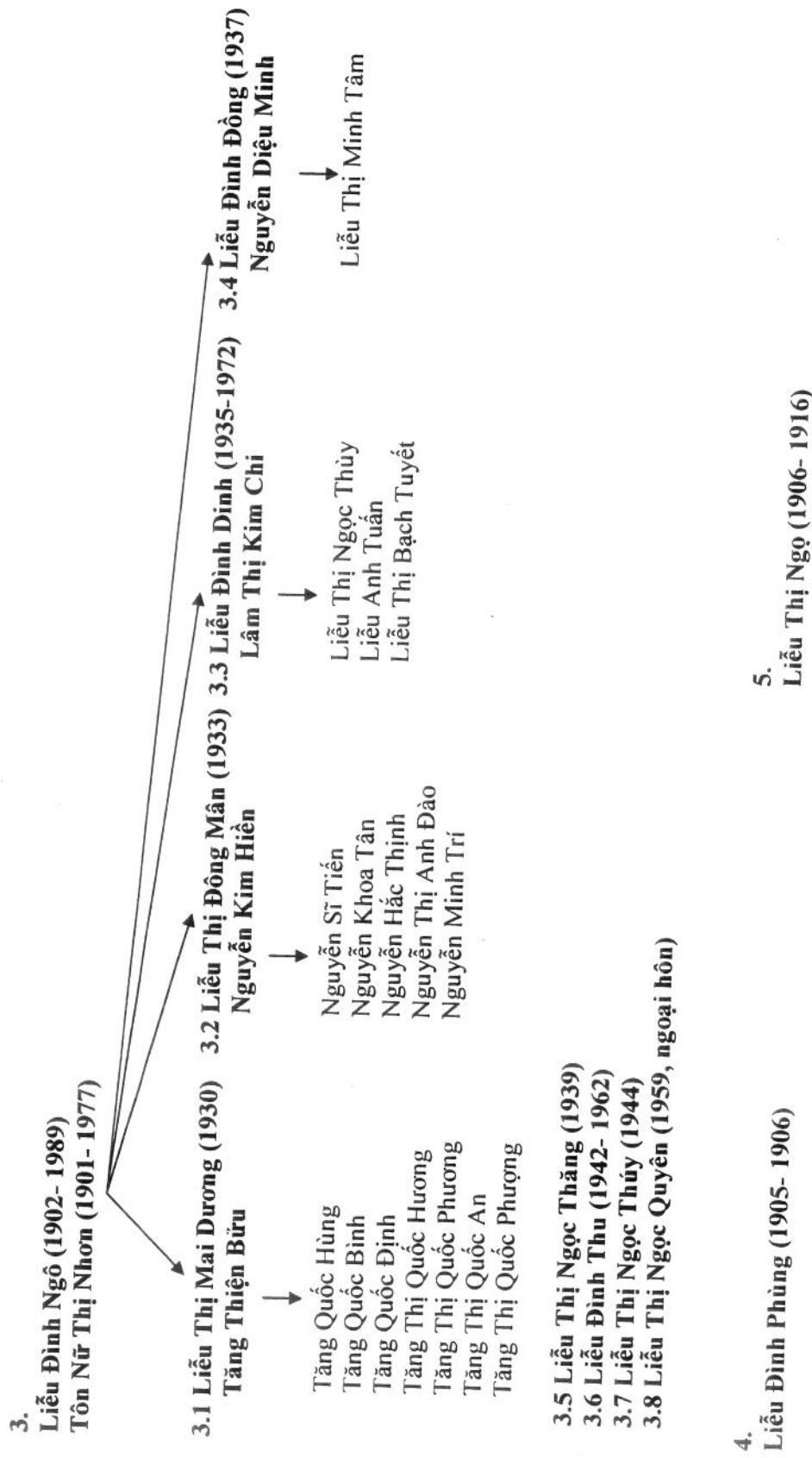


Huỳnh Thị Hạnh  
Huỳnh Thị Lành  
Huỳnh Thị Sạch  
Huỳnh Thị Kính  
Huỳnh Thị Hoàng  
Huỳnh Văn Thành  
Huỳnh Thị Kim Liên

**2.**  
**Liêu Thị Tiệp (1899- 1913)**

---

# 1C





Tiên tổ khai tộc LIÊU PHƯỚC  
 Tại KIM SON HOÀI AN  
 Bình định

ĐỆ NHỊ THẾ ĐẠI ĐỜI THỨ 2  
 THƯỢNG PHẢI  
 LIÊU PHƯỚC TOÀN

(1851-1924)

CHÁNH TỔ TỶ: PHAN THỊ CƠ  
 (1856-1926)

THỨ TỔ TỶ: NGUYỄN THỊ HẢO  
 (1873-1930)

| VỊ THỨ | TÊN KHAI SANH     | TÊN HÚY | NĂM SANH       | MỆNH CHUNG                         | MỖ PHẢN               | VỊ THỨ | TÊN KHAI SANH            | TÊN HÚY | NĂM SANH           | MỆNH CHUNG           | MỖ PHẢN                      |
|--------|-------------------|---------|----------------|------------------------------------|-----------------------|--------|--------------------------|---------|--------------------|----------------------|------------------------------|
| 2      | Liêu Thị Thâu     |         | Mậu Dần 1878   | Canh Thìn 1940                     | Vườn Hưng Văn Kim Sơn | 5      | Liêu Lập Chánh           | Chuyển  | 06/01 Tân Sửu 1901 | 26/02 Bính Thân 1956 | Đồng lảnh Kim Sơn            |
| Chồng  | Nghiêm Trang      |         |                |                                    |                       | Vợ     | Lê Thị Nhan Ngô Thị Kiêm |         |                    |                      |                              |
| 3      | Liêu Thị Hối      |         | Tân Tị 1880    | Mậu Thân 1908                      | Đồng Hào Kim Sơn      | 7      | Liêu Thị Huynh           | Mọi     | Bính Ngọ 1906      | Quý Mùi 1943         | Vườn Ô Chiến nhà thờ Kim Sơn |
| Chồng  | Trần              |         |                |                                    |                       | Chồng  | Dư Mùi                   |         |                    |                      |                              |
| 4      | Liêu Thiện Nguyên | Kiểu    | Quý Mùi 1882   | 02/9 Quý Sửu 1913 (Canh Tuất 1910) | Vườn Trượng Kim Sơn   | 8      | Liêu Văn Rợ              | Rợ      | Kỷ Dậu             | 1909                 | 02/02 Tân Hợi 1910           |
| Vợ     | Lâm Thị Truyen    |         |                |                                    |                       |        |                          |         |                    |                      |                              |
| 8      | Liêu Thành Trường | Già     | Bính Tuất 1986 | 12/08 Nhâm Ngọ 1942                | Đồng Làng Kim Sơn     | 9      | Liêu Văn Cừ              | Xiêm    | Nhâm tý 1912       | 18/10 Nhâm Thìn 1952 | Vườn Hội Phú Trọng           |



| VỊ THỨ   | TÊN KHAI SANH                    | TÊN HÚY | NĂM SANH      | MỆNH CHUNG          | MỘ PHẦN                       | VỊ THỨ | TÊN KHAI SANH            | TÊN HÚY | NĂM SANH     | MỆNH CHUNG     | MỘ PHẦN                      |
|----------|----------------------------------|---------|---------------|---------------------|-------------------------------|--------|--------------------------|---------|--------------|----------------|------------------------------|
| Vợ       | Phương Thị Thắng<br>Phạm Thị Đại |         |               |                     |                               | Vợ     | Nguyễn Linh<br>Võ Thị Ân |         |              |                |                              |
| 10       | Liễu Thị Mười                    | Lượng   | Quý Tị 1893   | 10/9 Bính Tị 1936   | Vườn Thông tư - Hội Phú       |        |                          |         |              |                |                              |
| Chồng    | Nguyễn Trung                     |         |               |                     |                               |        |                          |         |              |                |                              |
| 12       | Liễu Thị Chúc                    |         | Đinh Dậu 1897 | Quý Hợi 1923        | Nhon Sơn                      |        |                          |         |              |                |                              |
| Chồng    | Trần Dật                         |         |               |                     |                               | 7      | Liễu Thị Cẩm             |         | Át Dậu 1885  | Canh Thìn 1940 | Đồng Hào - Kim Sơn           |
| 13       | Liễu Trường Đề                   |         | Kỷ Hợi 1899   | 15/11 Nhâm Ngọ 1942 | Gò chùa Minh Hương - Hưng Văn | Chồng  | Huỳnh Ngạo               |         |              |                |                              |
| Vợ       | Diệp Thị Bi<br>Huỳnh Thị Khéo    |         |               |                     |                               | 4      | Liễu Thị Hẹ              |         | Canh Tí 1900 | Đinh Dậu 1957  | Nghĩa trang công giáo Kontum |
| Dưỡng tử | Liễu Văn Huỳnh                   |         | Quý Mùi 1883  | Giáp Thân 1944      | Cầu rế - Kim Sơn              | Chồng  | Trần Kinh<br>Nguyễn Tư   |         |              |                |                              |

CON NGOẠI HÔN

**ĐỜI THỨ 3: HẬU DUỆ****THƯỢNG PHÁI ĐỆ NHẤT TÔNG CHI LIỄU PHƯỚC**  
**CHI THỨ 1****LIỄU THIỆN NGUYÊN****(Tên nội Kiều)****Lâm Thị Truyen**

| Vị thứ | Tên Khai Sanh            | Năm sanh       | Mệnh Chung       | Mộ phần             |
|--------|--------------------------|----------------|------------------|---------------------|
|        | Liễu Xuân Cát            | Canh tí 1900   | Nhâm Tí 1912     |                     |
|        | Liễu Thị Bồi             | Nhâm Dần 1902  | Giáp Thìn 1904   |                     |
|        | Liễu Thị Cừu             | Giáp Thìn 1904 | 08/7 Kỷ Sửu 1949 | Xóm Nhà Hà Tây      |
|        | Liễu Phước Tăng<br>(Khá) | Đinh Mùi 1907  | Canh Ngọ 1930    | bỏ quê đi biệt tích |

**ĐỜI THỨ 4: NGOẠI TÔN CHI THỨ 1****LIỄU THỊ CỪU – Tôn thất NGUYỄN PHƯỚC LƯỢC****Hà Tây Ân tường Hoài Ân**

| Vị thứ | Tên Khai Sanh     | Tên húy | Năm sanh       | Mệnh Chung    | Mộ phần |
|--------|-------------------|---------|----------------|---------------|---------|
|        | <b>TÔN THẮT</b>   |         |                |               |         |
|        | Nguyễn Phước Linh | Lý      | Giáp tí 1924   | Kỷ mễo 1999   |         |
|        | Tôn nữ Kim Thanh  |         | Canh ngọ 1930  | Đinh Hợi 1947 | Hà Tây  |
|        | Tôn nữ Kim Nga    | Nhàn    | Nhâm Thân 1932 |               |         |
|        | Tôn nữ Kim Chi    |         | Ất Hợi 1935    | Bính Dần 1986 | Phù Mỹ  |

**ĐỜI THỨ 4: NỘI TÔN****LIỄU PHƯỚC TĂNG – Tục danh Năm Khá****TRẦN THỊ SEN (Cầu Rễ Nhơn Sơn)**

| Vị thứ | Tên Khai Sanh   | Tên húy | Năm sanh      | Mệnh Chung   | Mộ phần                |
|--------|-----------------|---------|---------------|--------------|------------------------|
|        | Liễu Phước Hồng | Đốc     | Bính Dần 1926 | 18.1 Quý Mùi | Nghĩa trang<br>Hòn một |

**ĐỜI THỨ 5: LIỄU PHƯỚC HỒNG****Chánh: Nguyễn Thị Hân****Kế: Đoàn Thị Tồn****Địa chỉ: Phú Bình – Cam Tân – Cam Ranh**

| <b>Vị thứ</b> | <b>Tên Khai Sanh</b> | <b>Tên húy</b> | <b>Năm sanh</b> | <b>Mệnh Chung</b> | <b>Mộ phần</b> |
|---------------|----------------------|----------------|-----------------|-------------------|----------------|
| 4             | Liễu Thị Phú         |                | Canh Dần 1950   |                   |                |
| 5             | Liễu Thị Quới        |                | Giáp Ngọ 1954   |                   |                |
| 8             | Liễu Thị Phước       |                | Đinh Dậu 1957   |                   |                |
| 9             | Liễu Thị Lâm         |                | Canh Tí 1960    |                   |                |
| 10            | Liễu Phước Thiện     | Thừa           | Đinh Mùi 1967   |                   |                |
| 11            | Liễu Thị Kim Liên    | Thái           | Kỷ Dậu 1969     |                   |                |
| 12            | Liễu Thị Kim Yên     | Út             | Quý Sửu 1973    |                   |                |

**ĐỜI THỨ 6: HUYỀN TÔN****LIỄU PHƯỚC THIÊN – HOÀNG KIM HỒNG (Kỷ Dậu 1969)**

| <b>Vị thứ</b> | <b>Tên Khai Sanh</b> | <b>Tên húy</b> | <b>Năm sanh</b> | <b>Mệnh Chung</b> | <b>Mộ phần</b> |
|---------------|----------------------|----------------|-----------------|-------------------|----------------|
| 2             | Liễu Thị Kim Trâm    | Bé Mi          | Mậu Dần 1998    |                   |                |
| 3             | Liễu Thị Kim Trúc    | Bé Na          | Kỷ Mão 1999     |                   |                |
| 4             | Liễu Thị Kim Thoa    |                | Nhâm Ngọ 2002   |                   |                |

**ĐỜI THỨ 6: NGOẠI HUYỀN TÔN CHI I****LIỄU THỊ PHÚ – HUỖNH DIỆT (Tuy Hòa)**

| <b>Vị thứ</b> | <b>Tên Khai Sanh</b>  | <b>Tên húy</b> | <b>Năm sanh</b> | <b>Mệnh Chung</b> | <b>Mộ phần</b> |
|---------------|-----------------------|----------------|-----------------|-------------------|----------------|
|               | Huỳnh Liễu Xuân Thông |                | Nhâm Tí 1972    |                   |                |
|               | Huỳnh Thị Xuân Thanh  |                | Ất Mão 1975     |                   |                |
|               | Huỳnh Thị Xuân Thủy   |                | Mậu Ngọ 1978    |                   |                |
|               | Huỳnh Xuân Thân       |                | Canh Thân 1980  |                   |                |

**LIỄU THỊ QUỚI – TRẦN VĂN BÌNH****Địa chỉ: Phú Bình Cam Tân**

| <b>Vị thứ</b> | <b>Tên Khai Sanh</b> | <b>Tên húy</b> | <b>Năm sanh</b> | <b>Mệnh Chung</b> | <b>Mộ phần</b> |
|---------------|----------------------|----------------|-----------------|-------------------|----------------|
|               | Trần Liễu Thị Thu Hà |                | Kỷ Mùi 1979     |                   |                |

| Vị thứ | Tên Khai Sanh       | Tên húy | Năm sanh       | Mệnh Chung | Mộ phần |
|--------|---------------------|---------|----------------|------------|---------|
|        | Trần Liễu Thu Hương |         | Nhâm Tuất 1982 |            |         |
|        | Trần Liễu Quốc Huy  |         | Đinh Mẹo 1987  |            |         |
|        | Trần Liễu Quốc Hiệp |         | Quý Dậu 1993   |            |         |

**LIỄU THỊ PHƯỚC – TRỊNH PHÚ HỒNG**

**Địa chỉ:** Ga Hòa Tân Cam Tân

| Vị thứ | Tên Khai Sanh       | Tên húy | Năm sanh       | Mệnh Chung | Mộ phần |
|--------|---------------------|---------|----------------|------------|---------|
|        | Trịnh Thị Tuyết Nga |         | Giáp Tí 1984   |            |         |
|        | Trịnh Thị Phú Việt  |         | Đinh Mẹo 1987  |            |         |
|        | Trịnh Thị Tuyết Mỹ  |         | Nhâm Thân 1992 |            |         |

**LIỄU THỊ KIM LIÊN – TUẤN**

**Địa chỉ:**

| Vị thứ | Tên Khai Sanh | Tên húy | Năm sanh | Mệnh Chung | Mộ phần |
|--------|---------------|---------|----------|------------|---------|
|        |               |         |          |            |         |

**LIỄU THỊ KIM YẾN**

**Địa chỉ:**

| Vị thứ | Tên Khai Sanh | Tên húy | Năm sanh | Mệnh Chung | Mộ phần |
|--------|---------------|---------|----------|------------|---------|
|        |               |         |          |            |         |

**ĐỜI THỨ BA  
CHI THỨ 2**

**HẬU DUỆ THƯỢNG PHÁI ĐỆ NHỊ TÔNG CHI LIÊU PHƯỚC  
LIÊU TRƯỜNG THÀNH**  
(Tên nói: GLÁ)  
(1886-1942)

**CHÁNH THÊ: PHƯƠNG THỊ THẮNG**  
*Cong giang Ân tướng*

**TIÊU THIẾP: PHAN THỊ ĐẠI**  
*Phù lý Phù cát*

| VỊ THỨ | TÊN KHAI SANH         | TÊN HUY | NĂM SANH      | MỆNH CHUNG           | MỘ PHÂN                           | VỊ THỨ | TÊN KHAI SANH   | TÊN HUY | NĂM SANH       | MỆNH CHUNG    | MỘ PHÂN             |
|--------|-----------------------|---------|---------------|----------------------|-----------------------------------|--------|-----------------|---------|----------------|---------------|---------------------|
|        | Liêu Văn Thị          |         | Quý Mão 1903  |                      | Phú trí Phú ninh                  | 2      | Liêu Thị Nhung  |         | Bính Thìn 1916 | Mậu Dần 1998  | Du Tụ               |
|        | Liêu Thị Thừa         |         | Mậu Thân 1908 | 02/12 Đinh Hợi 1947  | Đồng làng Kim Sơn                 | 3      | Liêu Thị Nghiễm |         | Mậu Ngọ 1918   | Kỷ Mão 1999   | Âm phong            |
|        | Liêu Văn Ngọc Kim Hữu | Bá      | Nhân 1912     | 16/10 Nhâm Tý 1972   | Nghĩa trang Hạnh thông Tây Gò Vấp | 4      | Liêu Thị Ánh    |         | Tân Dậu 1921   |               |                     |
|        | Liêu Phước Cự         | Y       | Át Mão 1945   | 14/03 Nhâm Thìn 1952 | Đồng làng Kim Sơn                 | 5      | Liêu Thị Trúc   |         | Giáp 1924      | Giáp Ngọ 1954 | Huỳnh Kim Bình Định |
|        | Liêu Hồng Sơn         | Khanh   | Mậu Ngọ 1918  | 3 Bính Tý 1996       | Bình Tuy Miếu cậu                 |        |                 |         |                |               |                     |
|        | Liêu Thị Toại         |         | Nhâm Dậu 1921 |                      | Tam quan                          |        |                 |         |                |               |                     |
|        | Liêu Minh Ân          | Phụng   | Giáp Tý 1924  | 19/09 Kỷ Sửu 1949    | Vườn kho từ đường                 |        |                 |         |                |               |                     |
|        | Liêu Thị Lựu          |         | Đinh Mão 1927 | Canh Ngọ 1930        |                                   |        |                 |         |                |               |                     |

| VỊ THỨ     | TÊN KHAI SANH    | TÊN HÚY  | NĂM SANH                            | MỆNH CHUNG | MÔ PHẢN | VỊ THỨ     | TÊN KHAI SANH   | TÊN HÚY    | NĂM SANH                                   | MỆNH CHUNG       | MÔ PHẢN |
|------------|------------------|----------|-------------------------------------|------------|---------|------------|-----------------|------------|--------------------------------------------|------------------|---------|
| ĐÔI THỨ TƯ |                  |          | NGOẠI TÔN                           |            |         | ĐÔI THỨ TƯ |                 |            | NGOẠI TÔN                                  |                  |         |
|            | Liễu Thị Thừa    | Thị Toại | Mai Văn Trinh (1905 – 200...)       |            |         |            | Liễu Thị Nhung  | Thị Nghiễm | Nguyễn Ngọc Anh (1910 – 1990)              |                  |         |
|            | Mai Trung Bửu    | Bê       | Bính<br>1936                        | Tí         |         |            | Nguyễn Thị Á    |            | Canh<br>Thìn 1940                          | Nhâm<br>Ngọ 1942 |         |
|            | Mai Thu Cúc      |          | Kỷ<br>1939                          | Mẹo        |         |            |                 |            |                                            |                  |         |
|            | Mai Cao Dũng     | Gioan    | Kỷ<br>1949                          | Sửu        |         |            | Liễu Thị Ảnh    |            | Trần Văn Nam<br>Huyền Kim Tân an Bình Định |                  |         |
|            | Mai Thiện Đức    |          | Tân<br>1951                         | Mão        |         | 2          | Trần Quốc Ứng   |            |                                            |                  |         |
|            |                  |          |                                     |            |         | 3          | Trần Thuận Quốc |            |                                            |                  |         |
|            | Liễu Thị Trúc    |          | Võ Cự Nguyên<br>Tuy Phước Bình Định |            |         | 4          | Trần Mỹ Khánh   |            |                                            |                  |         |
| 2          | Võ Minh Cánh     |          |                                     |            |         | 5          | Trần Mỹ Tuyết   |            |                                            |                  |         |
| 3          | Võ Ngọc Tân Thủy |          |                                     |            |         | 6          | Trần Quốc Đạt   |            |                                            |                  |         |
| 4          | Võ Thị Tùng      |          |                                     |            |         | 7          | Trần Dũng Quốc  |            |                                            |                  |         |
|            | Võ Thanh Đình    |          |                                     |            |         |            |                 |            |                                            |                  |         |
|            | Võ Thị Phương    |          |                                     |            |         |            |                 |            |                                            |                  |         |
|            | Võ Thị Hoa       |          |                                     |            |         |            |                 |            |                                            |                  |         |

| VỊ THỨ                                                                                                                 | TÊN KHAI SANH | TÊN HÚY | NĂM SANH                   | MỆNH CHUNG | MỘ PHẢN | VỊ THỨ            | TÊN KHAI SANH      | TÊN HÚY | NĂM SANH                                                                                               | MỆNH CHUNG | MỘ PHẢN |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|---------|----------------------------|------------|---------|-------------------|--------------------|---------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|---------|
| <u>ĐÔI THỨ TƯ</u>                                                                                                      |               |         | <u>NOI TÓN</u>             |            |         | <u>ĐÔI THỨ TƯ</u> |                    |         | <u>NOI TÓN</u>                                                                                         |            |         |
| <u>DƯỠNG TỬ</u> : Liễu Văn Thị - Bùi Thị Cẩm (Phụ trị Phú Ninh)                                                        |               |         | Liều Phước Bá<br>(Kim Hữu) |            |         | Văn Ngọc          |                    |         | Chánh thê Nguyễn Thị Phúc<br>Trung Lương Hoài An<br>Tiểu Thiếp Ngọc Bích Ngọc<br>Phan Thiết Bình Thuận |            |         |
|                                                                                                                        | Liều Văn Lạc  |         | Canh Ngọ<br>1930           |            |         | 2                 | Liều Tông<br>Thanh |         | Bính Tý<br>1936                                                                                        |            |         |
|                                                                                                                        |               |         |                            |            |         | 3                 | Liều Kim Trinh     | Mi Xu   | Nhâm<br>Dần 1938                                                                                       |            |         |
| <u>ĐÔI THỨ NĂM</u>                                                                                                     |               |         |                            |            |         | 4                 | Liều Ngọc Dzu      | Mi Xi   | Canh Ngọ<br>1942                                                                                       |            |         |
| Liều Văn Lạc – Nguyễn Thị Ngồi<br><u>Địa chỉ</u> : 8/3 <sup>C</sup> ấp Xuân Hiệp 1 Linh Xuân Thủ Đức<br>Khu B Bộng dầu |               |         |                            |            |         | 5                 | Liều Ngọc Trai     | Mi Tô   | Bính Tuất<br>1946                                                                                      |            |         |
|                                                                                                                        | Liều Thị Đồng |         | Canh Tí<br>1960            |            |         | 6                 | Liều Thịnh<br>Ngọc | Ki Lớn  | Nhâm<br>Thìn 1952                                                                                      |            |         |
|                                                                                                                        | Liều Thị Tâm  |         | Giáp Thìn<br>1964          |            |         | 7                 | Liều Thịnh<br>Ngọc | Ki Nhỏ  | Bính Thân<br>1956                                                                                      |            |         |
|                                                                                                                        | Liều Văn Lực  |         | Tân Hợi<br>1971            |            |         | 8                 | Liều Kim Liên      |         | Canh Tí<br>1960                                                                                        |            |         |
|                                                                                                                        |               |         |                            |            |         |                   |                    |         |                                                                                                        |            |         |



| VỊ THỨ                                                                        | TÊN KHAI SANH      | TÊN HÚY | NĂM SANH      | MỆNH CHUNG | MỘ PHẦN | VỊ THỨ                                                                                                       | TÊN KHAI SANH | TÊN HÚY | NĂM SANH      | MỆNH CHUNG | MỘ PHẦN |
|-------------------------------------------------------------------------------|--------------------|---------|---------------|------------|---------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|---------|---------------|------------|---------|
| <u>ĐỜI THỨ NĂM</u>                                                            |                    |         |               |            |         | <u>ĐỜI THỨ NĂM</u>                                                                                           |               |         |               |            |         |
| Liều Thanh Tông – Nguyễn Cang<br><u>Địa chỉ: Đông Cơ Trung Lương Bồng Sơn</u> |                    |         |               |            |         | Liều Kim Trinh – Chánh Võ Thị Hoàng An<br>Thử Bùi Thị Ngọc Anh<br><u>Địa chỉ: Tân Minh Bình Tuy Căn cứ 6</u> |               |         |               |            |         |
| 6                                                                             | Nguyễn Thanh Bình  | Thị     | Tân Sửu 1961  |            |         | 3                                                                                                            | Liều Kim Minh |         | Kỷ Hợi 1959   |            |         |
| 7                                                                             | Nguyễn Chi         | Thanh   | Bính ngọ 1966 |            |         | 4                                                                                                            | Liều Kim trực |         | Nhâm Dần 1962 |            |         |
| 9                                                                             | Nguyễn Thanh Tuyết | Thị     | Mậu Thân 1968 |            |         | 5                                                                                                            | Liều Anh Thư  |         | Quý Mão 1963  |            |         |
| 10                                                                            | Nguyễn An          | Thanh   | Nhâm Tí 1972  |            |         | 6                                                                                                            | Liều Kim Thái |         | Bính Ngọ 1966 |            |         |
| 14                                                                            | Nguyễn Tân         | Thanh   | Mậu Ngọ 1978  |            |         | 7                                                                                                            | Liều Kim Bình |         | Đinh Mùi 1967 |            |         |

**ĐỀ NHỊ TÔNG CHI**  
**LIỀU NGỌC DZU – NGUYỄN THỊ TUYẾT HỒNG**  
Địa chỉ:

| VỊ THỨ | TÊN KHAI SANH | TÊN HÚY | NĂM SANH | MỆNH CHUNG | MỘ PHẦN | VỊ THỨ | TÊN KHAI SANH | TÊN HÚY | NĂM SANH | MỆNH CHUNG | MỘ PHẦN |
|--------|---------------|---------|----------|------------|---------|--------|---------------|---------|----------|------------|---------|
|        |               |         |          |            |         |        |               |         |          |            |         |
|        |               |         |          |            |         |        |               |         |          |            |         |
|        |               |         |          |            |         |        |               |         |          |            |         |



**ĐÔI THỨ NĂM**

***LIÊU NGỌC THỊNH***

**Địa chỉ:**

| VỊ THỨ | TÊN KHAI SANH | TÊN HÚY | NĂM SANH | MỆNH CHUNG | MỌ PHẢN | VỊ THỨ | TÊN KHAI SANH | TÊN HÚY | NĂM SANH | MỆNH CHUNG | MỌ PHẢN |
|--------|---------------|---------|----------|------------|---------|--------|---------------|---------|----------|------------|---------|
|        |               |         |          |            |         |        |               |         |          |            |         |
|        |               |         |          |            |         |        |               |         |          |            |         |
|        |               |         |          |            |         |        |               |         |          |            |         |

**ĐÔI THỨ NĂM**

***LIÊU NGỌC TRAI – CHÁNH THÊ TRẦN HỒNG ĐIẾP***

***TIÊU THIẾP DƯƠNG MỸ HÒA***

**Địa chỉ:** 97/18/78 Thủ Khoa Huân Phường 5 Tân Bình Sài Gòn

| VỊ THỨ | TÊN KHAI SANH       | TÊN HÚY | NĂM SANH      | MỆNH CHUNG | MỌ PHẢN | VỊ THỨ | TÊN KHAI SANH | TÊN HÚY | NĂM SANH | MỆNH CHUNG | MỌ PHẢN |
|--------|---------------------|---------|---------------|------------|---------|--------|---------------|---------|----------|------------|---------|
|        | Liêu chương Đài     | Nhi     | Ất Tỵ 1965    |            |         |        |               |         |          |            |         |
|        | Liêu Tuyết Trâm     |         | Tân Hợi 1971  |            |         |        |               |         |          |            |         |
|        | Liêu Bảo Hoa        |         | Quý Sửu 1973  |            |         |        |               |         |          |            |         |
|        | Liêu Phụng Tường    |         | Giáp Dần 1974 |            |         |        |               |         |          |            |         |
|        | Liêu Dương Thiên An |         | Bính Dần 1986 |            |         |        |               |         |          |            |         |

**ĐỜI THỨ NĂM**

**LIÊU NGỌC THỊNH – ĐỖ THỊ KIM YẾN**  
**Địa chỉ: 227/1 Nguyễn Minh Chiếu Phú Nhuận Sài Gòn**

| VỊ THỨ | TÊN KHAI SANH    | TÊN HÚY | NĂM SANH        | MỆNH CHUNG | MỘ PHẦN | VỊ THỨ | TÊN KHAI SANH | TÊN HÚY | NĂM SANH | MỆNH CHUNG | MỘ PHẦN |
|--------|------------------|---------|-----------------|------------|---------|--------|---------------|---------|----------|------------|---------|
| 2      | Liêu Hương Nhiên |         | Quý Hợi<br>1983 |            |         |        |               |         |          |            |         |
| 3      | Liêu Lại Giang   |         | Ất Sửu<br>1985  |            |         |        |               |         |          |            |         |
|        |                  |         |                 |            |         |        |               |         |          |            |         |

## **TRUYỀN NỘI TÔN ĐỀ NHỊ TÔNG CHI**

### **CHI THỨ NHỊ**

#### **ĐỜI THỨ 4:**

**LIÊU PHƯỚC CỰ – VÂN Y Chánh thất HÒ THỊ CHỮ**  
**Phù ly Khánh phước Phù Mỹ**

| <b>Vị<br/>thứ</b> | <b>Tên Khai Sanh</b> | <b>Tên húy</b> | <b>Năm sanh</b> | <b>Mệnh Chung</b> | <b>Mộ phần</b> |
|-------------------|----------------------|----------------|-----------------|-------------------|----------------|
|                   | Liêu Phước A         |                | Mậu Dần 1938    | Nhâm Ngọ 1942     |                |
|                   | Liêu Phước Tường     | Bê đơ          | Tân Tị 1941     |                   |                |
|                   | Liêu Hồng Quang      | Xê an          | Canh Thân 1944  |                   |                |
|                   | Liêu Hồng Đạt        | Hát on         | Đinh Hợi 1947   |                   |                |

#### **ĐỜI THỨ 5:**

**LIÊU PHƯỚC TƯỜNG – NGUYỄN THỊ THIỆN**

**Địa chỉ: 2085 Flint Field Dr.San Jose CA 95148**

| <b>Vị<br/>thứ</b> | <b>Tên Khai Sanh</b> | <b>Tên húy</b> | <b>Năm sanh</b> | <b>Mệnh Chung</b> | <b>Mộ phần</b> |
|-------------------|----------------------|----------------|-----------------|-------------------|----------------|
|                   | Liêu Tường Khai      |                | Mậu Thân 1968   |                   |                |
|                   | Liêu Thị Tường Vân   |                | Canh Tuất 1970  |                   |                |
|                   | Liêu Tường Vinh      |                | Quý Sửu 1973    |                   |                |

#### **ĐỜI THỨ 5:**

**LIÊU HỒNG QUANG – LÊ THỊ LỘC**

**Địa chỉ:**

| <b>Vị<br/>thứ</b> | <b>Tên Khai Sanh</b> | <b>Tên húy</b> | <b>Năm sanh</b> | <b>Mệnh Chung</b> | <b>Mộ phần</b> |
|-------------------|----------------------|----------------|-----------------|-------------------|----------------|
|                   | Liêu Thị Kiều Trang  |                |                 |                   |                |
|                   | Liêu Thị Kiều Tiên   |                |                 |                   |                |

**ĐỜI THỨ 5:****LIỄU HỒNG ĐẠT – HOÀNG THỊ HIỆP****Địa chỉ: 1529<sup>E</sup> Calaveras Blvd # 15 MILPITAS CA.95035****(mới) 1919 Bagpipe Way San Jose CA.95121**

| <b>Vị<br/>thứ</b> | <b>Tên Khai Sanh</b> | <b>Tên húy</b> | <b>Năm sanh</b> | <b>Mệnh Chung</b> | <b>Mộ phần</b> |
|-------------------|----------------------|----------------|-----------------|-------------------|----------------|
|                   | Liễu Hoàng Bảo       |                | Canh Tuất 1970  |                   |                |
|                   | Liễu Hoàng Quốc      |                | Nhâm Tý 1972    |                   |                |
|                   | Liễu Thị Trà My      |                | Giáp Dần 1974   |                   |                |
|                   | Liễu Jimmy trai      |                | Tân Mùi 1991    |                   |                |
|                   | Liễu Ashley gái      |                | Quý Dậu 1993    |                   |                |

**TRUYỀN NỘI TÔN ĐỆ NHỊ TÔNG CHI****CHI THỨ BA****ĐỜI THỨ 4:****LIỄU HỒNG SON – SÁU KHANH Chánh thất NGUYỄN THỊ THÈM****(1918-1996)****Tam quan Hoài Nhơn****(1918-1995)**

| <b>Vị<br/>thứ</b> | <b>Tên Khai Sanh</b> | <b>Tên húy</b> | <b>Năm sanh</b> | <b>Mệnh Chung</b> | <b>Mộ phần</b> |
|-------------------|----------------------|----------------|-----------------|-------------------|----------------|
| 2                 | Liễu Thị Kim Cẩm     |                | Quý Mùi 1943    | Ất Dậu 1945       |                |
| 3                 | Liễu Thị Kim Cúc     |                | Quý Mùi 1943    |                   |                |
| 4                 | Liễu Thị Kim Hoa     |                | Ninh Tuất 1946  |                   |                |
| 5                 | Liễu Quốc Thanh      | Jean           | Kỷ Sửu 1949     |                   |                |
| 6                 | Liễu Thị Hồng Tấn    | Jacque         | Tân Mão 1951    |                   |                |
| 7                 | Liễu Quốc Hùng       | Cu anh         | Giáp Ngọ 1954   |                   |                |
| 8                 | Liễu Thị Kim Liên    | Bé             | Đinh Dậu 1957   |                   |                |
| 9                 | Liễu Hồng Lực        |                | Canh Tý 1960    |                   |                |
| 10                | Liễu Hồng Thiện      |                | Quý Mão 1969    | 10.10.2002        |                |
| Ngoại<br>tôn      | Liễu Thị Tuyết Thu   |                | Kỷ Dậu 1969     |                   |                |

**NGOẠI  
ĐỜI THỨ 5:**

**LIỄU THỊ KIM CÚC – TRẦN THỊ THƠ (Nhơn Sơn)**  
**Địa chỉ: Trà Long – Ba ngòi – Cam Ranh – Khánh Hòa**

| Vị<br>thứ | Tên Khai Sanh      | Tên húy | Năm sanh | Mệnh Chung | Mộ phần  |
|-----------|--------------------|---------|----------|------------|----------|
| 2         | Trần Thu Phong     |         |          | 1977       | Cam Ranh |
| 3         | Trần Thị Thu Sương |         |          |            |          |

**ĐỜI THỨ 5:**

**LIỄU THỊ KIM HOA – NGUYỄN BÌNH MINH**  
**Địa chỉ: Tân minh – Hàm Tân – Thuận Hải**

| Vị<br>thứ | Tên Khai Sanh   | Tên húy | Năm sanh     | Mệnh Chung | Mộ phần |
|-----------|-----------------|---------|--------------|------------|---------|
| 2         | Nguyễn Văn Tiến | Cu cọt  | Giáp Tý 1984 |            |         |

**LIỄU THỊ KIM LIÊN – LÊ VĂN ĐỨC**  
**Địa chỉ: Phong nẫm – Phan Thiết**

| Vị<br>thứ | Tên Khai Sanh | Tên húy | Năm sanh | Mệnh Chung | Mộ phần |
|-----------|---------------|---------|----------|------------|---------|
|           |               |         |          |            |         |
|           |               |         |          |            |         |

**ĐỀ NHỊ TÔNG CHI**

**TRUYỀN NỘI TĂNG TÔN THƯỢNG PHÁI**

**ĐỜI THỨ 5:**

**LIỄU QUỐC THANH – NGUYỄN THỊ PHÚC**  
**Địa chỉ: Sông Ray – Xuân đông – Xuân Lộc – Đồng Nai**

| Vị<br>thứ | Tên Khai Sanh           | Tên húy | Năm sanh       | Mệnh Chung | Mộ phần |
|-----------|-------------------------|---------|----------------|------------|---------|
|           | Liễu Quốc Long          |         | Mậu Ngọ 1978   |            |         |
|           | Liễu Thị Hồng<br>Phương |         | Canh Thân 1980 |            |         |
|           | Liễu Thị Hồng<br>Hoàng  |         | Nhâm Tuất 1982 |            |         |
|           | Liễu Thị Hồng Thi       |         | Giáp Tý 1984   |            |         |

**ĐỜI THỨ 5:****LIỄU HỒNG TÂN – NGUYỄN THỊ QUI**  
**Địa chỉ: Tân Ninh – Hàm Tân – Thuận Hải**

| <b>Vị thứ</b> | <b>Tên Khai Sanh</b> | <b>Tên húy</b> | <b>Năm sanh</b> | <b>Mệnh Chung</b> | <b>Mộ phần</b> |
|---------------|----------------------|----------------|-----------------|-------------------|----------------|
|               | Liễu Thị Hồng Yến    |                | Tân Dậu 1981    |                   |                |
|               | Liễu Việt Trung      | Cu Ti          | Quý Hợi 1983    |                   |                |
|               | Liễu Thị Thiên Trang |                | Mậu Thìn 1988   |                   |                |
|               | Liễu Thị Minh Tâm    |                | Tân Mùi 1991    |                   |                |
|               | Liễu Thị Phương Trâm |                | Giáp Tuất 1994  |                   |                |

**ĐỜI THỨ 5:****LIỄU QUỐC HÙNG – NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG****Địa chỉ:**

| <b>Vị thứ</b> | <b>Tên Khai Sanh</b> | <b>Tên húy</b> | <b>Năm sanh</b> | <b>Mệnh Chung</b> | <b>Mộ phần</b> |
|---------------|----------------------|----------------|-----------------|-------------------|----------------|
|               | Liễu Thị Tuyết Nga   |                | Giáp Tý 1984    |                   |                |
|               | Liễu Minh Hoàng      |                | Mậu Thìn 1988   |                   |                |

**ĐỜI THỨ 5:****LIỄU THỊ TUYẾT THU - ĐOÀN****Địa chỉ: 26/3/1 Nguyễn Hồng Phường 1 – Gò Vấp Sài Gòn**

| <b>Vị thứ</b> | <b>Tên Khai Sanh</b> | <b>Tên húy</b> | <b>Năm sanh</b> | <b>Mệnh Chung</b> | <b>Mộ phần</b> |
|---------------|----------------------|----------------|-----------------|-------------------|----------------|
|               |                      |                |                 |                   |                |

**ĐỜI THỨ 5:****LIỄU HỒNG LỰC - VÂN****Địa chỉ: Tân Minh Hàm Tân Bình Thuận**

| <b>Vị thứ</b> | <b>Tên Khai Sanh</b> | <b>Tên húy</b> | <b>Năm sanh</b> | <b>Mệnh Chung</b> | <b>Mộ phần</b> |
|---------------|----------------------|----------------|-----------------|-------------------|----------------|
| 2             | Liễu Hồng Phước      |                | Nhâm Ngọ 2002   |                   |                |

## **TRUYỀN NỘI TÔN**

### **ĐỜI THỨ 4:**

### **CHI THỨ 4**

**LIỄU MINH ÂN (Tám Phụng) – Chánh Thất NGUYỄN THỊ NGUYỆT CHIÊU**

**(1924-1949)**

**Phú Hữu Ân Tường**

| <b>Vị thứ</b> | <b>Tên Khai Sanh</b> | <b>Tên húy</b> | <b>Năm sanh</b> | <b>Mệnh Chung</b> | <b>Mộ phần</b> |
|---------------|----------------------|----------------|-----------------|-------------------|----------------|
| 2             | Liểu Thị Kim Hương   |                | Đinh Hợi 1947   |                   |                |
| 3             | Liểu Minh Triết      |                | Kỷ Sửu 1949     |                   |                |

### **NGOẠI**

### **ĐỜI THỨ 5:**

**LIỄU KIM HƯƠNG – NGUYỄN MAI**

**- LÊ VĂN LONG**

**Địa chỉ:**

| <b>Vị thứ</b> | <b>Tên Khai Sanh</b>  | <b>Tên húy</b> | <b>Năm sanh</b> | <b>Mệnh Chung</b> | <b>Mộ phần</b> |
|---------------|-----------------------|----------------|-----------------|-------------------|----------------|
| 2             | Nguyễn Thị Phương Ánh |                | Nhâm Tý 1972    |                   |                |
| 3             | Liểu Thị Phương Oanh  |                | Giáp Dần 1974   |                   |                |
| 4             | Lê Hoài Ty            |                | Bình Thìn 1976  |                   |                |
| 5             | Lê                    | Bé Bi          | Kỷ Mùi 1979     |                   |                |
| 6             | Lê Hoài Nam           |                | Nhâm Tuất 1982  |                   |                |

## **TRUYỀN NỘI TẶNG TÔN THƯỢNG PHÁI**

### **ĐỜI THỨ 5:**

**LIỄU MINH TRIẾT – LÂM THỊ HƠN**

**Địa chỉ: Bình Sơn Ân Nghĩa Hoài Ân – Bình Định**

**Xóm Hoài Cư thôn Tân Lập xã Song An huyện An Khê Gia Lai**

| <b>Vị thứ</b> | <b>Tên Khai Sanh</b> | <b>Tên húy</b> | <b>Năm sanh</b> | <b>Mệnh Chung</b> | <b>Mộ phần</b> |
|---------------|----------------------|----------------|-----------------|-------------------|----------------|
| 2             | Liểu Thị Minh Nguyệt |                | Canh Tuất 1970  |                   |                |
| 3             | Liểu Lâm Đài         |                | Nhâm Tý 1972    |                   |                |
| 4             | Liểu Lâm Mạnh        |                | Giáp Dần 1974   |                   |                |
| 5             | Liểu Thị Tường Vi    | lùn            | Đinh Tị 1977    |                   |                |
| 6             | Liểu Lâm Luận        |                | Canh Thân 1980  |                   |                |
| 7             | Liểu Thị Nhựt Linh   |                | Giáp Tí 1984    |                   |                |



ĐỆ TAM THẾ ĐẠI  
ĐÔI THỨ BA

ĐỆ TAM TỔNG CHI THƯỢNG PHẢI  
LIỄU TRƯỜNG ĐỀ  
(1899-1942)

CHÁNH THẮT: DIỆP THỊ BÌ  
an lão Ân Hòa

KẾ THẮT: HUỲNH THỊ KHÈO  
(1900-1986)

| VỊ THỨ     | TÊN KHAI SANH        | TÊN HÚY | NĂM SANH                                  | MỆNH CHUNG     | MỖ PHÂN            | VỊ THỨ      | TÊN KHAI SANH                | TÊN HÚY | NĂM SANH                                       | MỆNH CHUNG | MỖ PHÂN |
|------------|----------------------|---------|-------------------------------------------|----------------|--------------------|-------------|------------------------------|---------|------------------------------------------------|------------|---------|
|            | Liễu Thị Mơi         |         | Bình Thìn 1916                            | Giáp Tuất 1934 | Vườn Ô Chiến       | 10          | Liễu Thị Quý                 | Phú     | Bình Tý 1936                                   |            |         |
|            | Liễu Thị Sáng        |         | Mậu Ngọ 1918                              |                | Gò Chùa Minh Hương | 14          | Liễu Thị Mùi                 |         | Tân Tị 1941                                    |            |         |
|            | Liễu Văn Diên        |         | Tân Dậu 1921                              | Đinh Sửu 1937  | Vườn Ô Chiến       | Chuyển n từ | Liễu Phước Thọ               | Chúng   | Tân Tị 1941                                    |            |         |
|            | Liễu Văn Dung        |         | Giáp Tý 1924                              | Tân Mùi 1931   | Vườn Ô Chiến       | Dưỡng từ    | Liễu Văn Mèo – tức Huỳnh Mèo |         | Kỷ Mão 1939                                    |            |         |
|            | Liễu Thị Thục        |         | Ất Sửu 1925                               |                |                    |             |                              |         |                                                |            |         |
|            | Liễu Thị Đa          |         | Canh Ngọ 1930                             |                |                    |             |                              |         |                                                |            |         |
|            |                      |         |                                           |                |                    |             |                              |         |                                                |            |         |
| ĐÔI THỨ TƯ |                      |         |                                           |                |                    | ĐÔI THỨ TƯ  |                              |         |                                                |            |         |
|            | Liễu Phước Thọ       | Chúng   | Chánh thất Phan Thị Lựu (Tuy hòa Phú Yên) |                |                    |             | Liễu Huỳnh Văn Mèo           |         | Chánh thất Nguyễn Thị Trân (Bình Sơn Ân nghĩa) |            |         |
|            | Liễu Thị Hạnh Phương |         | Mậu thân 1968                             |                |                    | 2           | Liễu Huỳnh Thị Hải           |         | Bính Ngọ 1966                                  |            |         |
|            | Liễu Phước Phương    | Cu anh  | Kỷ Dậu 1969                               |                |                    | 3           | Liễu Huỳnh Thị Hữu           |         | Mậu Thân 1968                                  |            |         |



| VỊ THỨ | TÊN KHAI SANH      | TÊN HÚY | NĂM SANH     | MỆNH CHUNG | MỘ PHẢN | VỊ THỨ | TÊN KHAI SANH       | TÊN HÚY | NĂM SANH       | MỆNH CHUNG | MỘ PHẢN |
|--------|--------------------|---------|--------------|------------|---------|--------|---------------------|---------|----------------|------------|---------|
|        | Liễu Hoàng Phương  | Cu em   | Tân Hợi 1971 |            |         | 4      | Liễu Huỳnh Thị Hoa  |         | Canh Tuất 1970 |            |         |
|        | Liễu Thị Ái Phương | Út      | Quý Sửu 1973 |            |         | 5      | Liễu Huỳnh Văn Hợp  |         | Đinh Tỵ 1977   |            |         |
|        |                    |         |              |            |         | 6      | Liễu Huỳnh Thị Hành |         | Kỷ Mùi 1979    |            |         |
|        |                    |         |              |            |         | 7      | Liễu Huỳnh Văn Hưng |         | Tân Dậu 1981   |            |         |

**ĐỀ TAM TÔNG CHI****TRUYỀN NGOẠI TÔN****THƯỢNG PHÁI****ĐỜI THỨ 4:****LIỄU THỊ SÁNG – ĐỖ TIỆM***(Cửu hội Tam quan)*

| Vị thứ | Tên Khai Sanh | Tên húy | Năm sanh       | Mệnh Chung | Mộ phần          |
|--------|---------------|---------|----------------|------------|------------------|
| 2      | Đỗ Thị Sinh   |         | Canh Thìn 1940 |            | Gia Trị ân tường |
| 3      | Đỗ Thị Nương  |         | Quý Mùi 1943   |            |                  |
| 4      | Đỗ Thị Diêu   | Niêu    | Bính Tuất 1946 |            |                  |
| 5      | Đỗ Văn In     |         | Mậu Tí 1948    |            |                  |
| 6      | Đỗ Văn Nho    |         | Kỷ Hợi 1959    |            |                  |
| 7      | Đỗ Văn Nhỏ    |         | Kỷ Hợi 1959    |            |                  |

**ĐỜI THỨ 4:****LIỄU THỊ THUỘC – NGUYỄN VĂN NGÂN (...)***Khánh Trạch Hoài Mỹ Bồng Sơn***Địa chỉ: xã Đoàn Kết – Phường Hòa - Komtum**

| Vị thứ | Tên Khai Sanh        | Tên húy | Năm sanh       | Mệnh Chung    | Mộ phần |
|--------|----------------------|---------|----------------|---------------|---------|
| 5      | Nguyễn Thị Nhị       |         | Canh Dần 1950  |               |         |
| 6      | Nguyễn Văn Lê        | Thập    | Quý Tị 1953    | Mậu Thìn 1988 |         |
| 7      | Nguyễn Thị Phương    | Mười    | Bính Thân 1956 |               |         |
| 8      | Nguyễn Văn Hòa       |         | Kỷ Hợi 1959    |               |         |
| 9      | Nguyễn Thị Bích Loan |         | Tân Sửu 1961   |               |         |
| 10     | Nguyễn Văn Thìn      |         | Giáp Thìn 1964 |               |         |
| 11     | Nguyễn Văn Ngộ       |         | Bính Ngọ 1966  |               |         |

**ĐỜI THỨ 4:****LIỄU THỊ ĐA – LÊ QUANG CẢNH *tục Ngươi***

| Vị thứ | Tên Khai Sanh | Tên húy | Năm sanh       | Mệnh Chung | Mộ phần |
|--------|---------------|---------|----------------|------------|---------|
|        | Lê Thị Sâm    |         | Mậu Tí 1948    |            |         |
|        | Lê Nhật Hồng  | Tô      | Canh Dần 1950  |            |         |
|        | Lê Thị Quán   |         | Nhâm Thìn 1952 |            |         |

| Vị thứ | Tên Khai Sanh    | Tên húy | Năm sanh       | Mệnh Chung | Mộ phần |
|--------|------------------|---------|----------------|------------|---------|
|        | Lê Thị Xuyên     |         | Ất Mùi 1955    |            |         |
|        | Lê Ngọc Hy       | Nghị    | Mậu Tuất 1958  |            |         |
|        | Lê Nhật Hội      | Thâm    | Canh Tý 1960   |            |         |
|        | Lê Nhật Vona     |         | Quý Mão 1963   |            |         |
| 9      | Lê Thị Minh Hằng |         | Giáp Thìn 1964 |            |         |
| 10     | Lê Ngọc Bửu      | Cả      | Đinh Mùi 1967  |            |         |
| Dư     | Lê Ngọc Hưng     | Cu anh  | Kỷ Dậu 1969    |            |         |
| Út     | Lê Ngọc Thịnh    | Cu em   | Kỷ Dậu 1969    |            |         |

**ĐỜI THỨ 4:**

**LIÊU THỊ QUÝ - LÊ BỘ**

| Vị thứ | Tên Khai Sanh | Tên húy | Năm sanh | Mệnh Chung | Mộ phần |
|--------|---------------|---------|----------|------------|---------|
| 2      | Lê Thị Hiền   |         |          |            |         |
| 3      | Lê Thị Hậu    |         |          |            |         |
| 4      | Lê Thị Hân    |         |          |            |         |
| 5      | Lê Thị Hoàng  |         |          |            |         |

**ĐỜI THỨ 4:**

**LIÊU THỊ MÙI - NGUYỄN VĂN TƯỜNG**

| Vị thứ | Tên Khai Sanh | Tên húy | Năm sanh | Mệnh Chung | Mộ phần |
|--------|---------------|---------|----------|------------|---------|
|        |               |         |          |            |         |

**ĐỆ TAM THẾ ĐẠI  
ĐỜI THỨ BA**

**ĐỆ TỬ TỔNG CHI THƯỢNG PHÁI  
LIỄU LẬP CHÁNH – Tục danh “CHUYỀN”  
(1901-1956)**

**CHÁNH THẮT: LÊ THỊ NHAN  
(1907-1960)**

**TIỂU THIẾP: NGÔ THỊ KIỂM  
(1899-1938)**

| VỊ THỨ | TÊN KHAI SANH        | TÊN HÚY | NĂM SANH             | MỆNH CHUNG                   | MỖ PHẢN        | VỊ THỨ | TÊN KHAI SANH  | TÊN HÚY | NĂM SANH                        | MỆNH CHUNG | MỖ PHẢN |
|--------|----------------------|---------|----------------------|------------------------------|----------------|--------|----------------|---------|---------------------------------|------------|---------|
| 2      | Liễu Thị Ân          |         | Đinh Mão<br>1927     |                              |                | 3      | Liễu Thiên Ba  |         | Giờ Tý<br>01.5 Mậu<br>Thìn 1928 |            |         |
| 4      | Liễu Thiên Chi       | Trì     | Canh Ngọ<br>1930     |                              |                |        | Liễu Văn Quyển |         | Bính Tí<br>1936                 | (...)      | (...)   |
| 5      | Liễu Thiên Định      |         | Nhâm<br>Thân<br>1932 |                              |                |        | Liễu Văn Khôi  |         | Mậu Dần<br>1938                 | (...)      | (...)   |
| 6      | Liễu Minh<br>Quyển   |         | Bính Tý<br>1936      | 17.5 Ất<br>Tý 1965           | Đức Long<br>Âm |        |                |         |                                 |            |         |
| 7      | Liễu Thiên Đức       | Chùng   | Mậu Dần<br>1938      |                              |                |        |                |         |                                 |            |         |
| 8      | Liễu Phước Thọ       | Chúng   | Tân Tị<br>1941       | Chuyển qua<br>Đệ Tam<br>Tông |                |        |                |         |                                 |            |         |
| 9      | Liễu Thiên Lộc       | Thảo    | Quý Mùi<br>1943      |                              |                |        |                |         |                                 |            |         |
| 10     | Liễu Thiên<br>Trưởng | Thức    | Đinh Hợi<br>1947     | 07.9 Ất<br>Sửu 1985          | Thủ Đức        |        |                |         |                                 |            |         |

## THÂN THÊ VÀ SỰ NGHIỆP

### A. CỔ LIỄU LẬP CHÁNH

#### 1. Tiểu sử:

Cụ ông sanh ngày mồng sáu tháng giêng năm Tân Sửu (1901) trai đầu lòng của cố nội bà *Nguyễn Thị Hào*, tiểu thiếp cố nội ông *Phước Toàn*, con thứ 15 của Thượng phái *Liễu Phước tộc* tại Kim Sơn;

Lúc thiếu thời đã hai lần theo cha về thăm quê quán Phước Kiến – Trung Hoa (ba năm);

Lập gia đình năm người lên 22 tuổi và đến 26 tuổi có tiểu thiếp (lí do là Chánh thê muộn con). Chính thê sanh gái đầu lòng khi cụ ông vào tuổi 27, qua năm sau Tiểu thiếp sanh trưởng nam.

#### a. Học vấn:

- Hán văn viết hàng B;
- Quốc ngữ tương đương bằng Sơ học yếu lược, năng khiêu toán;
- Võ thuật tương đương tam đẳng;

#### b. Sở Trường:

- Văn học, đua ngựa, nuôi chim, câu cá và võ thuật

Đã có lần người đề xuất với một bạn thân (thầy lang Hương Huy ở thôn Phú Khương) xin nuôi người con trai thứ của ông để cho ăn học (anh Nguyễn Dương) vì thông minh, học giỏi nhưng nhà nghèo, nhằm tạo đà hướng dẫn các con Cụ học hành sau này, nhưng Cụ Huy không thuận. Một lần khác, người con gái đầu lòng của Cụ vào tuổi cặp kê, cụ tìm cách kết thân với một thầy lang khác (Thầy Đào ở Hội Yên, cách 15 km) nhà nghèo có người con trai học giỏi và cần mẫn với ý đồ bắt rể cũng để tạo đà học hành cho các con cụ, nhưng ý đồ cũng không thành...

Trong thời gian lâm bệnh, trước một tuần ngày lâm chung, Cụ vẫn còn đi nuôi chim cu ở vườn nhà người ta trong xóm Vườn thơm, Hội Phú (nhà bà tuần Đâu...)

Khi các con vào tuổi đi học vỡ lòng, Người nuôi thầy giáo (gia sư) trong nhà để dạy kèm các con ngoài giờ học ở trường và các kỳ nghỉ hè ... (ông Kiên, ông Bính, ông Mậu)

#### c. Tánh tính:

- Rất hiếu khách, vui vẻ, cởi mở, hoạt bát. Đặt biệt tiếng nói cười lúc nào cũng sỗ sã to lớn và rõ ràng. Tiếng “hú” để báo giờ đi làm thuê cho các người làm thuê cho Cụ (sớm, chiều) vang rền cả vùng thôn xóm;
- Lòng dạ không sâu hiểm, không cố chấp, thường khi giúp đỡ hết mình trong bà con thân tộc, bạn bè trong buổi gia đình hữu sụm khó khăn;
- Bản chất thiên phú: tiểu tư sản nông thôn, trong đạo Khổng Mạnh, thờ Ông Bà, thờ Quan Thánh, thờ Thánh Mẫu;
- Từng nhiều năm giữ chức Hương Trưởng chánh Chùa Minh Hương ở Kim Sơn.

#### d. Sức khỏe:

- Với tầm mức bình thường, hay đau yếu mặc dù người ham mê võ thuật và đầy đủ điều kiện bồi dưỡng cao lương;
- Phải chăng suốt cuộc đời không tham gia lao động chân tay ngay đến cả việc đi bộ cũng ít ỏi nữa;
- Người mất phần vào giờ Dần ( 04<sup>h</sup>30) ngày 26 tháng 02 năm Bính Thân (1956) tại Hội Phú (nơi sau cùng của gia đình) sau thời gian một tháng lâm bệnh suy dinh dưỡng và yếu sức, mặc dù được chăm sóc chu đáo thuốc men (cả đông tây y).

- Mộ phần được an táng trên đám ruộng nhà (sau vườn bà Chút, đồng làng Kim Sơn).
- Cuộc mộ này đã được ông thầy Tàu Hai nam phân Kim chọn Cuộc. Toàn thể Cuộc mộ được xây cất khang trang do sự tài trợ của gia đình chú Liễu Thiên Lộc, và công sức thiết kế giám sát của gia đình chú Liễu Thiên Chi. Ngày khởi công khai móng, ngày 12.02.Bính Tý (30.03.96) và khánh tạ đúng ngày 26.02.Bính Tý (13.04.96) ngày húy kỵ thường niên của người.
- Tuổi đời của người vòn vẹn chỉ 56 tuổi (thời đại Người sống tuổi 50 đã là thọ rồi) Hai số sau cùng của năm dương lịch là ... (?) chỉ số năm tuổi đến năm 2000 đúng 100 tuổi của Người vậy.

## 2. **Sự nghiệp:**

Cơ ngơi sự nghiệp của người gồm:

### a. Động sản:

- một khuôn nhà mái đất lập khang trang, thiết kế chữ Mạn, nhà chính ở giữa và 2 bên lối lên phía trước 2 nhà phía mặt là nhà vuông (nhà tiếp khách) phía trái là nhà lẫm (nhà kho chứa lúa) ôm lấy một sân vôi rộng 32 m<sup>2</sup>, phía ngoài sân ấy một cái hồ xây ciment nuôi cá cảnh và bên ngoài hồ là lồng chim cu, nhà một cột, vách ván mái tranh. Ngoài ra, còn có nhà ngõ, lò uơng tơ và nấu dầu dừa, chuồng ngựa, chông heo...
- Cơ sở này bị hòa hoãn năm Mậu Tý (1948)! Gia đình phải dời về cơ sở 2 ở Hội Phú (trước là nhà của bà tiểu thiếp Ngô Thị Kiếm. Nơi đây, cũng một nhà cấp 3 gian, nhà giữa nhà bếp, chông ngựa, chuồng bò, chuồng heo, gà, chuồng chim bồ câu nhà.
- Từ khí từ vật gồm đủ đồ đồng thau, sành sứ, gỗ gổ trắc kiếm quý, thù chạm thời trang.

### b. Bất động sản:

- Bất động sản điền thổ có trên dưới 40 ha, ruộng phân thực và tạo mới ở các thôn: Bình Sơn, Phú Ninh, Kim Sơn, Phú Khương, Hội Phú... (đều phát canh) 30 ha đất đa phần ... trồng dừa, dâu xen canh bắp, đậu... nhiều nhất ở thôn Hội Phú (vườn thơm) và Bình Sơn để gia đình thực canh.
- Về chăn nuôi: đàn bò trên 20 con lớn nhỏ ở vườn thơm, nuôi heo nái heo thịt, gà vịt ngỗng ở Kim Sơn. Chủ yếu nuôi để dùng cho các ngày Kỵ Chạp, lễ lộc trong năm.

Đời rõ là vô thường, biến đổi, cảnh còn đây, kỷ niệm vẫn còn đây, từng lớp người lần lượt đã ra đi, theo ngày tháng, theo thế đời mà tuần tự đổi thay quyền sở hữu. Âu cũng là luật trời đã định vậy!

## B. **Cố bà LÊ THỊ NHAN** chánh thất cụ *Lập Chánh*

### 1. **Tiểu sử:** Sanh năm Đinh Mùi (1907) tại làng An Tĩnh (Bàu Bàng) Xã Mỹ Thắng, Phù Mỹ;

Con gái duy nhất của Cụ ông Lê Thông và Cụ bà Trần Thị Thiệu tục danh Nhòng ở Suối Rùn Phú Hữ xã Ân tường, Hoài Ân. Cụ ông bà là một hàm hộ (chủ thợ biển đánh bắt và chế biến mắm) và là xã trưởng có quyền thế ở địa phương. Độc nhất một người anh trai khác mẹ với bà Nhận là ông Lê Phán, còn con cháu cụ bà Nhận bẩm sinh thông minh, trí tuệ tuyệt vời, mặc dù thất học nhưng xử thế rất là lý sự, hoạt bác uyên thâm, tài cán, đảm đương, mưu lược.

Xuất giá vu qui lúc người mới lên 16 tuổi, đến 20 tuổi đã dám đứng ra cưới vợ lẽ cho chồng – một việc làm mà người đàn bà Việt Nam khác chưa ai dám nghĩ!...



## 2. Phong cách

Phong cách cụ bà rất đoan trang, lễ độ và xử lý nhẹ nhàng nhưng ẩn dụ đầy cứng cỏi và thuyết phục. Ham lao động trí óc, có kế hoạch chỉ huy công việc và tài lãnh đạo rất khéo léo, cách nuôi dạy con cháu rất nghiêm và sắc sảo tuyệt chiêu. Đặt tính của bà là cần kiệm, ưa tích lũy và tính toán. Đồng tiền dư bà dồn vào cả mua ruộng đất, trâu bò, mua sắm dần để cho con ra riêng. Những đồ đồ thau, sành sứ, không bao giờ mua đồ nữ trang vàng bạc...

3. Nói chung toàn bộ cơ ngơi gia sản của Cụ ông Liễu Lập Chánh đều do khối óc và bàn tay cụ bà giữ nên.

Cụ bà mất phần vào giờ Thìn (09<sup>h</sup>0) ngày mùng chín tháng hai năm Canh Tý (1960) tại nhà từ đường họ ở Kim Sơn, sau một thời gian lâm bệnh. Cụ bà mất nào tuổi 54 để lại bao niềm thương tiếc cho bà con thân tộc, với xóm xóm thôn làng. Mộ phần được an táng chung Cuộc đất ngay bên tay trái của cụ ông (tại Đồng lãnh Kim Sơn).

## C. Cố bà NGÔ THỊ KIỂM tiểu thiếp cụ Chánh

1. **Tiểu sử:** sinh năm Kỷ Hợi (1899) tại làng Kim Sơn, xã Ân nghĩa, Hoài ân, là con thứ 8, áp út của cụ ông Ngô Tiên và cụ bà Nguyễn Thị Hiệp, một gia đình nông dân bậc trung nho giáo, quê quán gốc ở thôn An Hành, Phù Cát, lập nghiệp tại địa phương này mới 3 đời: Ngô Tây, chức vụ cai đội quê An Hành vợ là bà Lâm Thị Lợi quê xóm Bàu Kim Sơn. Con trai Ngô Tiên vợ là bà Nguyễn Thị Hiệp sinh hạ Ngô Cẩn (Liên) Thị Tính, Thị Liệu, Thị Khá, Ngô Hoàng (Lắm) Thị Vừa, Thị Kiểm, Ngô Tim.

Lúc xuân thời, gia đình gả chồng, người cùng quê khác xóm (nghĩa lệ) rồi li dị. Đến năm 28 tuổi nhận làm lẽ mọn cho cụ bà Lê Thị Nhạn. Lời truyền rằng hai ông bà (Chánh Kiểm) đã quen biết yêu thương nhau từ thuở ban đầu, nhưng chỉ vì hai gia đình kỳ thị nghèo giàu nên duyên đầu phải một lần giang dờ, nhưng rồi vẫn "Trời nào phụ kẻ chung tình, dang thừa dạ người mình trót yêu".

2. **Phong cách:** Cụ bà tuy thất học nhưng vì ảnh hưởng gia phong nên vẫn là người mẫu mực và điềm đạm.
3. Tánh tình thuận hòa, tư thế đạo mạo, đoan trang, đối xử mọi người nhất là đối với kẻ "ăn làm" rất khoan dung đạo đức được đông người mến yêu thương xót. Đối với gia đình hết mực trung hậu, ngoan hiền, không ít kỷ, đồ kị, một lòng một dạ yêu chồng thương con. Bẩm tính trời sinh, yêu thương anh chị em ruột nhất là đối với chị gái; cần cù, tiết kiệm, tính tình giản dị, tế nhị xử đời.
4. Sức khỏe rất yếu đuối, thường ôm đau bệnh hoạn do vậy ảnh hưởng đến tuổi thọ của người.

Mẹ đã từ trần lúc giờ Dậu (19<sup>h</sup>) ngày 16 tháng Tám năm Mậu Dần (1938) tại Vườn thôn Hội Phú sau khi vừa sanh xong Chú trai thứ 3 của cuộc đời (bệnh hậu ...) vòn vẹn chỉ 40 tuổi. Mộ phần được an táng tại thổ mộ họ Ngô ở xóm Bàu xứ Địa linh Kim Sơn, bên 2 mộ của 2 con trai yếu tử và đã được xây gạch tháng hai năm Bính Tý (1996). Cùng thời gian xây Cuộc mộ của Cụ ông.

**ĐỆ TỬ THỂ ĐẠI  
ĐỒI THỨ TƯ**

**TRUYỀN NỘI TÔN ĐỆ TỬ TÔNG CHI THƯỜNG PHẢI  
LIỄU THIÊN BA**

*Mậu Thìn 1928*

**NGUYỄN DIỄM LỆ (CÁ)  
(1932-1955)**

**NGUYỄN THỊ HIỆN (Vợ ĐĂNG THỊ DIỆNG (mất)  
(1932-**

| VỊ THỨ   | TÊN KHAI SANH   | TÊN HÚY        | NĂM SANH          | MỆNH CHUNG         | MỘ PHẢN        | VỊ THỨ | TÊN KHAI SANH        | TÊN HÚY | NĂM SANH           | MỆNH CHUNG          | MỘ PHẢN                           |
|----------|-----------------|----------------|-------------------|--------------------|----------------|--------|----------------------|---------|--------------------|---------------------|-----------------------------------|
|          | Liễu Hoài Mỹ    | Tự Hồ Văn Minh | 10 Nhâm Thìn 1952 | 26.8.1974 Giáp Dần | Liệt sĩ VNDCCH | 4      | Liễu Thiên Kim       | Đặng    | Nhâm Dần 1962      |                     |                                   |
|          | Liễu Hạnh Đào   | Thanh          | 3 Quý Tị 1953     |                    |                | 5      | Liễu Đặng Hoài Trung | Cu Sài  | Quý Mão 1963       |                     |                                   |
| Dưỡng tử | Nguyễn Tâm Minh |                | Át Mùi 1955       |                    |                | 6      | Liễu Khánh Trang     | Đặng    | Bính Ngọ 1966      |                     |                                   |
|          | Trần Vinh Quang | Tạo            | Nhâm Thìn 1952    |                    |                | 7      | Liễu Đặng Tuấn Trang | Út em   | Mậu Thân 1968      |                     |                                   |
|          | Trần Phi Tuấn   | Jean           |                   |                    |                |        |                      |         |                    |                     |                                   |
|          |                 |                |                   |                    |                |        | Liễu Phương Trang    | Bé Tý   | 02.1 Đinh Mùi 1967 | 26.7 Canh Tuất 1970 | Nhà cốt Long Sơn Nha Trang số 560 |



## KỶ ỨC

## DÒNG ĐỜI

Để lại cho đời di bút đây,  
Tơ lòng buông gởi dải mây bay...  
Nghiep đời khác thời đại quay cuồng mãi!  
Chỉ một trái tim – máu vốn đây...

- 1987 -

**THIÊN BA** *bút hiệu HOA NGÂN* *THẢO HÓA* – Sinh giờ Tý ngày mồng một tháng năm năm Mậu Thìn (1928) đúng theo di bút của phụ thân) tại làng Kim Sơn tổng Kim Sơn, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định, trưởng nam cổ cụ ông *Liễu Lập Chánh*, cổ cụ bà *Ngô Thị Kiểm* (tiểu thiếp) và đích mẫu cổ cụ bà *Lê Thị Nhạn*.

Thân Thế: là con một gia đình hữu sản ở địa phương, học vỡ lòng tại trường làng (đình Kim Sơn) lúc lên 6 tuổi với thầy Đỗ Hữu Vỵ (người Cù Lợi, Tam quan) khai tâm. Tám tuổi mồ côi mẹ, được má đích mẫu nuôi dưỡng đến tác tạo gia đình. Trên đường học vẫn người gặp không ít khó khăn và tủi hổ đau lòng! Trúng tuyển bằng Sơ học yếu lược (tốt nghiệp lớp 5) năm Mậu Dần (1938) theo học tiếp cấp Tiểu học Pháp Việt tại trường Huyện An Thường, trúng tuyển bằng tiểu học *primaire* (*certificat d'étude primaire Franco-indigene C.E.P.F.I*) năm Nhâm Ngọ (1942). Tiếp tục theo học bậc trung học Pháp Việt tại tỉnh lỵ Quy Nhơn đến lớp đệ tư niên (*4<sup>ème</sup> année*) thi cuộc đảo chính Pháp của phát xít Nhật tháng 3 năm 1945 (Át Dậu) tiếp đến cuộc khởi nghĩa cách mạng 19.08, đã kết thúc việc học, và tham gia công tác xã hội đầu đời.

Năm 20 tuổi (Đinh Hợi 47) có vợ chánh Nguyễn Thị Diễm Lệ tục danh là Cà, trưởng nữ của ông bà Nguyễn Ngọc Cự - Lê Thị Nại (hội tình).

Năm Tân Mão (1951, lập vợ thứ hai với Nguyễn Thị Thiện, mồ côi cha mẹ, quê thôn Hội Long Ân Hảo (tập kết Bắc năm 55 với con trưởng ban Hoài Mỹ)

Năm T6am Sửu (1961) bước thêm bước nữa với Đặng Thị Diên, gái áp út của ông bà Đặng Chất - Nguyễn Thị Là ở thôn Kế Xuyên Bình trung thắng tỉnh Quảng Nam

Vốn nghiệp đời vương nhiều uẩn khúc, bản tính đa cảm đa tình, dáng vóc nhiều sắc nét riêng tư, mộng giang hồ tiềm ẩn mãi trong lòng, gót phiêu bạt đến nửa đời vẫn chưa dừng đậu. Đường duyên nợ kể từ đây cũng chưa rắng rỏ ráo mà dòng đời mãi xô tạo khổ lụy lụy cho kẻ đào hoa. Tính “Trung Nam” từng đoạn thăng hoa, niềm can lệ cũng lắm hồi não ruột! Hiện còn đó...cũng kẻ còn người mất, nhưng chung qui không một tiếng hờn căm. Dẫu rằng không kết lâu năm, mối tình cô đọng, ruột tâm chưa chan.

Sự nghiệp: Thuở ấy tại quê hương, lực học đến thế cũng đã gọi là hiếm rồi, nên cuộc cách mạng 45 đã cuốn hút người vào công tác ở cấp huyện, từ bình dân học vụ đến thông tin và tuyên truyền lưu động rồi sau cùng là dạy học, cũng vang bóng một thời. Phải nói năng khiếu dạy học, tổ chức và thuật trình là nghiệp dĩ của chàng vậy.

Trí tiến thủ lập thân đã giúp cuộc đời người trưởng thành trước tuổi tác và cũng tạo được môi trường uy tín trong xã hội đương thời. Bước chân vào đời, người rất đam mê nghiên cứu học hỏi bất luận triết thuyết nào, ngành nghề nào (có nhiều bút tích còn để lại bằng ghi chép và bản thảo). Đặc biệt nhất và trở thành tánh cố hữu con người là sự khiêm tốn trong quan hệ giao tế nên được mọi người mến nể thật sự ... Người không mê bạo lực, hung hãn nên không thích võ thuật, bóng đá, đá gà kể cả cờ tướng, các loại bài bạc...

Về văn nghiệp, người thích làm thơ Đường luật từ thuở 30 tuổi và đến tuổi lục tuần được một số cụ già đồng tuổi tổ chức nhiều cuộc tao đàn xướng họa thơ vượn, với bút hiệu *HOA NGÂN* hoặc *NGÂN HOA*. Ngoại ngữ thì người nói, đọc thông viết thạo Pháp văn, hiểu và nói tạm Anh ngữ, cũng lổm bổm một số chữ nghĩa Hán văn nhất là một số câu chữ ở các cấp phổ thông người rất kém môn toán (số và hình học) nhưng có năng khiếu về văn Việt văn và Pháp văn).

Tự kiểm lại bản thân, trong người còn đeo nặng tánh mặc cảm trầm kha cùng tính đối lập với cuộc sống của mình do vậy mà không lập nên sự nghiệp được. Đến tuổi 60, người đam mê nghiên cứu đạo giáo, bất luận tôn giáo nào và người thực hiện “*TU TÂM*” theo kiểu ý thức hiện biết riêng của mình để sắp sẵn hành trang về cõi vĩnh hằng muôn thuở. Trong cuộc sống của mình, người có mấy điều thất vọng với ý ước trong lòng, đó là:

- Hạnh phúc gia đình: vợ (ghét của nào trời trao của ấy!) đồng sản dị mộng;

Con (Cha làm thầy con bán sách và cha mẹ sinh con trời sinh tính) từ trai đến gái đều hoàn toàn khác *TÍNH Ý* với người.

- Sự nghiệp, cơ ngơi: không đến nỗi bất tài lắm, nhưng vì sinh bất phùng thời lại thêm cái cố tật “*đối lập với cuộc sống bản thân*” nên cơ ngơi sự nghiệp không lập được nên hình!

- Tinh thần rất cô đơn trong gia đạo, nếu không có tình cảm bạn bè trong xã hội để cân bằng thì thiết nghĩ cuộc sống bản thân sẽ phải về đâu? Không hiểu được!

**Kết luận:** Vì phải sống trót một cuộc đời trên 70 năm không may mắn lại gặp lắm biến động trần gian, nên cô đọng được một số kinh nghiệm sống như sau:

1. Kiểm tốn hòa dung: rất lợi cho tình cảm giao tế, lợi đủ các mặt tình đời.
2. Yên lặng và cần kiệm: đời sẽ không đo độ được mình, ngược lại mình tích lũy được tất cả, tự nhiên mình trên cả thiên hạ.
3. Học hành để tiến thân: Vì sự học (bất luận văn hóa hay nghề nghiệp) là chìa khóa mở được mọi cửa trong đời sống con người với xã hội mọi thời đại.
4. Tinh tế biết người biết ta: mới tranh thủ được tình cảm xã hội.
5. Biết nhìn lại quá khứ mà đi: “tránh điều sai, mài điều đúng”
6. Tự tu dưỡng, rèn luyện bản thân thường xuyên về mọi mặt.

Cuối cùng người cũng đã đến ngày ..... tháng ..... năm ..... âm lịch, nhằm ngày dương lịch là .....lúc ..... giờ, lâm chung tại: .....

An táng tại.....

Tuổi thọ đạt đến ..... tuổi cũng là tương đối lắm rồi vậy:

Mong mọi người nở rạng nụ cười tươi đưa lấy một LINH HỒN vào cõi vĩnh hằng thơ mộng ấy ..... Xin cảm ơn./.

Viết xong giữa mùa  
PHẬT ĐẢN BÍNH TÝ 96  
(Hạ bút)

**Di chúc:** lấy ngày sinh (01.05 âm lịch) làm ngày Húy Kỵ cho người sau này: Tiểu sử bà Cỏ - Thiện - Diệu (quyển cũ)

**ĐỀ NGŨ THỂ ĐẠI**  
**ĐÔI THỨ NĂM**

**ĐỀ TỬ TÔNG CHI**  
**THƯỢNG PHÁI**  
**TRUYỀN NỘI TÀNG TÔN**  
**CHI CẢ**

**LIỄU ĐẶNG HOÀI TRUNG – LÊ THỊ HỒNG VÂN**

**(1963- (1967-**

**Địa chỉ: 133 Hoàng Văn Thụ - Nha Trang**

| <b>Vị<br/>thứ</b> | <b>Tên Khai Sanh</b> | <b>Tên húy</b> | <b>Năm sanh</b> | <b>Mệnh Chung</b> | <b>Mộ phần</b> |
|-------------------|----------------------|----------------|-----------------|-------------------|----------------|
|                   |                      |                |                 |                   |                |

**LIỄU ĐẶNG KHÁNH TRANG – PHAN THỊ MƯỜI HÀNG**

**(1966- (1967-**

**Địa chỉ: 09T19 Vĩnh Hội Ngọc Hiệp - Nha Trang**

| <b>Vị<br/>thứ</b> | <b>Tên Khai Sanh</b> | <b>Tên húy</b> | <b>Năm sanh</b> | <b>Mệnh Chung</b> | <b>Mộ phần</b> |
|-------------------|----------------------|----------------|-----------------|-------------------|----------------|
|                   | Liễu Thành Thuận     | Cu Bi          | Giáp Tí 1984    |                   |                |
|                   | Liễu Thành Thuận     | Cu Tí          | Ất Sửu 1985     |                   |                |
|                   | Liễu Thanh Huyền     | Bé Hiền        | Canh Ngọ 1990   |                   |                |

**LIỄU ĐẶNG TUẤN TRANG – NGUYỄN THỊ MINH HIẾU**

**(1968-**

**Địa chỉ:**

| <b>Vị<br/>thứ</b> | <b>Tên Khai Sanh</b> | <b>Tên húy</b> | <b>Năm sanh</b> | <b>Mệnh Chung</b> | <b>Mộ phần</b> |
|-------------------|----------------------|----------------|-----------------|-------------------|----------------|
|                   |                      |                |                 |                   |                |

**NGOẠI TÔN**

**LIỄU THỊ HẠNH ĐÀO – LÝ THÀNH SƠN**

**(1953- (1949-**

**Địa chỉ: Tổ 18 Vĩnh Hội Ngọc Hiệp - Nha Trang**

| <b>Vị<br/>thứ</b> | <b>Tên Khai Sanh</b> | <b>Tên húy</b> | <b>Năm sanh</b> | <b>Mệnh Chung</b> | <b>Mộ phần</b> |
|-------------------|----------------------|----------------|-----------------|-------------------|----------------|
| 3                 | Lý Long Hải          | Cu Cùng        | Đinh Tị 1978    |                   |                |
| 4                 | Lý Tường Vi          | Bé Gái         | Kỷ Mùi 1979     |                   |                |
| 5                 | Lý Long Vũ           | Tư lùn         | Tân Dậu 1981    |                   |                |

**NGUYỄN MINH TÂM – HUYỀN THỊ HOA**

**(1955-**

**DIỆP ÁI THANH**

**(1961-**

**Địa chỉ: 09T19 Vĩnh Hội Ngọc Hiệp - Nha Trang**

| <b>Vị<br/>thứ</b> | <b>Tên Khai Sanh</b>    | <b>Tên húy</b> | <b>Năm sanh</b>                            | <b>Mệnh Chung</b> | <b>Mộ phần</b> |
|-------------------|-------------------------|----------------|--------------------------------------------|-------------------|----------------|
| 2                 | Nguyễn Quang Khai       |                | Bính Thìn 1976                             |                   |                |
| 3                 | Nguyễn Minh Trí         |                | Mậu Ngọ 1978                               |                   |                |
| 4                 | Nguyễn Diệp Huệ<br>Nhân | Bé Lùng        | 09.10 Mậu Thìn<br>1988                     |                   |                |
| 5                 | Nguyễn Bảo Khánh        | Cu Ty          | Canh Ngọ 1990                              |                   |                |
| 6                 | Nguyễn Huệ Phương       | Bé Bụng        | Nhâm Thân 1992                             |                   |                |
| 7                 | Nguyễn Diệp Bảo<br>Đạt  |                | 9 <sup>giờ</sup> 45' 20.5 Đinh<br>Sửu 1997 |                   |                |

**ĐỆ TỬ THẾ ĐẠI  
ĐỜI THỨ TƯ**

**TRUYỀN NỘI TÔN ĐỆ TỬ TÔNG CHI THƯỢNG PHÁI  
LIỄU THIÊN CHI**

**Canh Ngọ 1930**

**NGUYỄN THỊ KIM KHÁNH (BA)**

**LÊ THỊ NĂM**

| VỊ THỨ | TÊN KHAI SANH | TÊN HÚY | NĂM SANH       | MỆNH CHUNG                          | MỌ PHÂN | VỊ THỨ | TÊN KHAI SANH        | TÊN HÚY | NĂM SANH      | MỆNH CHUNG    | MỌ PHÂN |
|--------|---------------|---------|----------------|-------------------------------------|---------|--------|----------------------|---------|---------------|---------------|---------|
| 2      | Liễu Vạn Ngọc |         | Nhâm Thìn 1952 | 11 giờ<br>21.2.Mậu Dần<br>(19.3.98) |         | 5      | Liễu Vạn Kỳ          |         | Kỷ Hợi 1959   | Nhâm Dần 1962 | Hội Phú |
| 3      | Liễu Thị Liệu |         | Át Mùi 1955    |                                     |         | 6      | Liễu Vạn Xuân        |         | Tân Sửu 1961  |               |         |
| 4      | Liễu Vạn Thế  |         | Bính Thân 1956 |                                     |         | 7      | Liễu Vạn Tuế         |         | Nhâm Dần 1962 |               |         |
|        |               |         |                |                                     |         | 8      | Liễu Vạn Năng        |         | Át Tị 1965    |               |         |
|        |               |         |                |                                     |         | 9      | Liễu Thị Hoài Nguyên | Gái     | Đinh Mùi 1967 |               |         |
|        |               |         |                |                                     |         | 10     | Liễu Vạn Dĩ          |         | Kỷ Dậu 1969   |               |         |
|        |               |         |                |                                     |         | Út     | Liễu Vạn Đắc         | Út Tí   | Nhâm Tí 1972  |               |         |

**ĐỀ NGŨ THỂ ĐẠI**  
**ĐÔI THỨ NĂM**

**THƯỢNG PHÁI**

**ĐỀ TỬ TÔNG CHI**

**TRUYỀN NỘI TÀNG TÔN**

**CHI HAI**

**LIỄU VẠN NGỌC – ĐẶNG THỊ DIỆU**  
**(1952-1998)**

**Địa chỉ: Xuân Sơn – Ân Hữu – Hoài Ân**

| <b>Vị<br/>thứ</b> | <b>Tên Khai Sanh</b> | <b>Tên húy</b> | <b>Năm sanh</b> | <b>Mệnh Chung</b> | <b>Mộ phần</b> |
|-------------------|----------------------|----------------|-----------------|-------------------|----------------|
|                   |                      |                |                 |                   |                |

**LIỄU VẠN THẾ – PHAN THỊ PHƯỚC**  
**(1956-**

**Địa chỉ: Mũi Né – Bình Thuận**

| <b>Vị<br/>thứ</b> | <b>Tên Khai Sanh</b> | <b>Tên húy</b> | <b>Năm sanh</b> | <b>Mệnh Chung</b> | <b>Mộ phần</b> |
|-------------------|----------------------|----------------|-----------------|-------------------|----------------|
| 2                 | Liễu Triệu Phát      |                | Kỷ Mùi 1979     |                   |                |
| 3                 | Liễu Triện Hành      |                | Giáp Tý 1984    |                   |                |

**LIỄU VẠN XUÂN –**  
**(1961-**

**Địa chỉ: Xuân Sơn – Ân Hữu – Hoài Ân**

| <b>Vị<br/>thứ</b> | <b>Tên Khai Sanh</b> | <b>Tên húy</b> | <b>Năm sanh</b> | <b>Mệnh Chung</b> | <b>Mộ phần</b> |
|-------------------|----------------------|----------------|-----------------|-------------------|----------------|
|                   |                      |                |                 |                   |                |

**LIỄU VẠN TUẾ – KIM ANH**  
**(1962-**

**Địa chỉ:**

| <b>Vị<br/>thứ</b> | <b>Tên Khai Sanh</b> | <b>Tên húy</b> | <b>Năm sanh</b> | <b>Mệnh Chung</b> | <b>Mộ phần</b> |
|-------------------|----------------------|----------------|-----------------|-------------------|----------------|
|                   |                      |                |                 |                   |                |

**LIÊU VẠN NĂNG –**  
(1965-  
**Địa chỉ: Xuân Sơn – Ân Hữu – Hoài Ân**

| Vị<br>thứ | Tên Khai Sanh | Tên húy | Năm sanh | Mệnh Chung | Mộ phần |
|-----------|---------------|---------|----------|------------|---------|
|           |               |         |          |            |         |

**LIÊU VẠN DĨ –**  
(1969-

**Địa chỉ:**

| Vị<br>thứ | Tên Khai Sanh | Tên húy | Năm sanh | Mệnh Chung | Mộ phần |
|-----------|---------------|---------|----------|------------|---------|
|           |               |         |          |            |         |

**LIÊU VẠN ĐẮC –**  
(1972-

**Địa chỉ:**

| Vị<br>thứ | Tên Khai Sanh | Tên húy | Năm sanh | Mệnh Chung | Mộ phần |
|-----------|---------------|---------|----------|------------|---------|
|           |               |         |          |            |         |

**NGOẠI TẶNG TÔN**

**LIÊU THỊ LIỆU – LÊ NGỌC AN HUỆ**  
(1955-

**Địa chỉ: Kim Sơn – Ân Hữu – Hoài Ân**

| Vị<br>thứ | Tên Khai Sanh | Tên húy | Năm sanh      | Mệnh Chung | Mộ phần |
|-----------|---------------|---------|---------------|------------|---------|
| 2         | Lê Phi Hồ     | Cu anh  | Giáp Dần 1974 |            |         |
| 3         | Lê Phi Hoàng  | Cu em   | Đinh Tị 1977  |            |         |
| 4         | Lê Phi Háo    | Cu tí   | Kỷ Mùi 1979   |            |         |
| 5         |               |         |               |            |         |
| 6         |               |         |               |            |         |

**LIÊU THỊ HOÀI NGUYỄN – LÊ TUẤN ĐẠT**  
(1967-

**Địa chỉ: Phú Hữu – An Tường – Hoài Ân**

| Vị<br>thứ | Tên Khai Sanh | Tên húy | Năm sanh | Mệnh Chung | Mộ phần |
|-----------|---------------|---------|----------|------------|---------|
|           |               |         |          |            |         |



**ĐỆ TỬ THẾ ĐẠI  
ĐÔI THỨ TƯ**

**TRUYỀN NỘI TÔN ĐỆ TỬ TỔNG CHI THƯỢNG PHÁI**

**LIÊU THIÊN ĐỊCH  
Nhâm Thân 1932**

**DƯƠNG THỊ CHI LAN  
(1936)**

| VỊ THỨ | TÊN KHAI SANH | TÊN HÚY | NĂM SANH      | MỆNH CHUNG | MỘ PHẢN | VỊ THỨ | TÊN KHAI SANH  | TÊN HÚY | NĂM SANH      | MỆNH CHUNG | MỘ PHẢN |
|--------|---------------|---------|---------------|------------|---------|--------|----------------|---------|---------------|------------|---------|
| 2      | Liêu Thị Huệ  |         | Ất Mùi 1955   |            |         | 7      | Liêu Vạn Hòa   |         | Ất Tị 1965    |            |         |
| 3      | Liêu Thị Quế  | Huế     | Kỷ Hợi 1959   |            |         | 8      | Liễn Vạn Tân   |         | Bính Ngọ 1966 |            |         |
| 4      | Liêu Thị Đào  |         | Canh Tí 1960  |            |         | 9      | Liêu Vạn Quang |         | Mậu Thân 1968 |            |         |
| 5      | Liêu Hồng Mai |         | Nhâm Dần 1962 |            |         | 10     | Liêu Vạn Huy   |         | Nhâm Tí 1972  |            |         |
| 6      | Liêu Hồng Anh |         | Quý Mão 1963  |            |         |        |                |         |               |            |         |



**ĐỀ NGŨ THỂ ĐẠI**  
**ĐÔI THỨ NĂM**

**THƯỢNG PHÁI**

**ĐỀ TỬ TÔNG CHI**

**TRUYỀN NỘI TĂNG TÔN**

**CHI BA**

**LIỄU VẠN HÒA –**

**Địa chỉ:**

| Vị<br>thứ | Tên Khai Sanh | Tên húy | Năm sanh | Mệnh Chung | Mộ phần |
|-----------|---------------|---------|----------|------------|---------|
|           |               |         |          |            |         |

**LIỄU VẠN TÂN –**

**Địa chỉ:**

| Vị<br>thứ | Tên Khai Sanh | Tên húy | Năm sanh | Mệnh Chung | Mộ phần |
|-----------|---------------|---------|----------|------------|---------|
|           |               |         |          |            |         |

**LIỄU VẠN QUANG –**

**Địa chỉ:**

| Vị<br>thứ | Tên Khai Sanh | Tên húy | Năm sanh | Mệnh Chung | Mộ phần |
|-----------|---------------|---------|----------|------------|---------|
|           |               |         |          |            |         |

**LIỄU VẠN HUY –**

**Địa chỉ:**

| Vị<br>thứ | Tên Khai Sanh | Tên húy | Năm sanh | Mệnh Chung | Mộ phần |
|-----------|---------------|---------|----------|------------|---------|
|           |               |         |          |            |         |

**NGOẠI TĂNG TÔN**

**LIỄU THỊ HUỆ – NGUYỄN VĂN THẾ**

**Địa chỉ:**

| Vị<br>thứ | Tên Khai Sanh    | Tên húy | Năm sanh | Mệnh Chung | Mộ phần |
|-----------|------------------|---------|----------|------------|---------|
| 2         | Nguyễn Bảo Trung |         |          |            |         |
| 3         | Nguyễn Bảo Tuấn  |         |          |            |         |

**LIỄU THỊ HUỆ – NGUYỄN VĂN THẮNG**

**Địa chỉ:**

| <b>Vị<br/>thứ</b> | <b>Tên Khai Sanh</b> | <b>Tên húy</b> | <b>Năm sanh</b> | <b>Mệnh Chung</b> | <b>Mộ phần</b> |
|-------------------|----------------------|----------------|-----------------|-------------------|----------------|
|                   |                      |                |                 |                   |                |

**LIỄU THỊ ĐÀO – NGUYỄN VĂN DƯƠNG**

**Địa chỉ: Vĩnh Thái – Suối Cái – Vam Hiệp**

| <b>Vị<br/>thứ</b> | <b>Tên Khai Sanh</b> | <b>Tên húy</b> | <b>Năm sanh</b> | <b>Mệnh Chung</b> | <b>Mộ phần</b> |
|-------------------|----------------------|----------------|-----------------|-------------------|----------------|
|                   |                      |                |                 |                   |                |

**LIỄU THỊ MAI – VÕ VĂN CÔI (Trắng)**

**Địa chỉ: Suối Cái – Cam Hiệp**

| <b>Vị<br/>thứ</b> | <b>Tên Khai Sanh</b> | <b>Tên húy</b> | <b>Năm sanh</b> | <b>Mệnh Chung</b> | <b>Mộ phần</b> |
|-------------------|----------------------|----------------|-----------------|-------------------|----------------|
|                   |                      |                |                 |                   |                |

**LIỄU THỊ HỒNG ANH – NGUYỄN CÔNG BÌNH**

**Địa chỉ:**

| <b>Vị<br/>thứ</b> | <b>Tên Khai Sanh</b> | <b>Tên húy</b> | <b>Năm sanh</b> | <b>Mệnh Chung</b> | <b>Mộ phần</b> |
|-------------------|----------------------|----------------|-----------------|-------------------|----------------|
|                   |                      |                |                 |                   |                |

**ĐỆ TỬ THẾ ĐẠI  
ĐÔI THỨ TƯ**

**TRUYỀN NỘI TÔN ĐỆ TỬ TỔNG CHI THƯỢNG PHÁI**

**LIỄU THIÊN ĐỨC  
1938-**

**NGÔ THỊ BÉ TỬ  
(1936)**

**Địa chỉ: 154 Đại lộ 3 Phước Bình Thủ Đức**

| VỊ THỨ | TÊN KHAI SANH       | TÊN HÚY | NĂM SANH       | MỆNH CHUNG | MỌ PHẢN | VỊ THỨ | TÊN KHAI SANH       | TÊN HÚY | NĂM SANH      | MỆNH CHUNG | MỌ PHẢN |
|--------|---------------------|---------|----------------|------------|---------|--------|---------------------|---------|---------------|------------|---------|
| 2      | Liễu Thị Như Phượng |         | Kỷ Dậu 1969    |            |         | 5      | Liễu Vạn Bảo Châu   | Bé      | Quý Sửu 1973  |            |         |
| 3      | Liễu Thị Thùy Dung  |         | Canh Tuất 1970 |            |         | 6      | Liễu Thị Thùy Nhiên |         | Giáp Dần 1974 |            |         |
| 4      | Liễu Vạn Bảo Trán   |         | Tân Hợi 1971   |            |         | 7      | Liễu Thị Như Quỳnh  | Út      | Quý Hợi 1983  |            |         |

**ĐỀ NGŨ THỂ ĐẠI**  
**ĐÔI THỨ NĂM**

**ĐỀ TỬ TÔNG CHI**

**THƯỢNG PHÁI**

**TRUYỀN NỘI NGOẠI TẦNG TÔN**  
**CHI THỨ TƯ**

**LIỄU VẠN BẢO TRÂN –**  
**Địa chỉ: 154 Đại lộ 3 Phước Bình Thủ Đức**

| Vị<br>thứ | Tên Khai Sanh | Tên húy | Năm sanh | Mệnh Chung | Mộ phần |
|-----------|---------------|---------|----------|------------|---------|
|           |               |         |          |            |         |

**LIỄU VẠN BẢO CHÂU –**  
**Địa chỉ:**

| Vị<br>thứ | Tên Khai Sanh | Tên húy | Năm sanh | Mệnh Chung | Mộ phần |
|-----------|---------------|---------|----------|------------|---------|
|           |               |         |          |            |         |

**NGOẠI TÔN**

**LIỄU THỊ NHƯ PHƯƠNG – TRẦN VŨ HOÀNG**  
**Địa chỉ: Phước Bình Thủ Đức**

| Vị<br>thứ | Tên Khai Sanh    | Tên húy | Năm sanh        | Mệnh Chung | Mộ phần |
|-----------|------------------|---------|-----------------|------------|---------|
| 2         | Trần Vũ Thiên Ân |         | 11.10.95 Ất Hợi |            |         |

**LIỄU THỊ THUY DUNG – LÊ HOÀI SƠN**  
**Địa chỉ:**

| Vị<br>thứ | Tên Khai Sanh | Tên húy | Năm sanh | Mệnh Chung | Mộ phần |
|-----------|---------------|---------|----------|------------|---------|
|           |               |         |          |            |         |

**LIỄU THỊ THUY NHIÊN**  
**Địa chỉ:**

| Vị<br>thứ | Tên Khai Sanh | Tên húy | Năm sanh | Mệnh Chung | Mộ phần |
|-----------|---------------|---------|----------|------------|---------|
|           |               |         |          |            |         |

**LIỄU THỊ NHƯ QUỲNH**

**Địa chỉ:**

| <b>Vị<br/>thứ</b> | <b>Tên Khai Sanh</b> | <b>Tên húy</b> | <b>Năm sinh</b> | <b>Mệnh Chung</b> | <b>Mộ phần</b> |
|-------------------|----------------------|----------------|-----------------|-------------------|----------------|
|                   |                      |                |                 |                   |                |

**ĐỆ TỬ THỂ ĐẠI  
ĐỜI THỨ TƯ**

**TRUYỀN NỘI TÔN ĐỆ TỬ TÔNG CHI THUẬN PHÁI**

**LIỄU THIÊN LỘC  
1948-**

**NGUYỄN THỊ THÙY GIANG**

**LÊ THỊ XUÂN THU**

**Địa chỉ: 2B22 BLUE STONE ROANOKE VA.24012 USA**

| VỊ THỨ | TÊN KHAI SANH     | TÊN HÚY | NĂM SANH     | MỆNH CHUNG | MỖ PHẦN | VỊ THỨ | TÊN KHAI SANH    | TÊN HÚY | NĂM SANH      | MỆNH CHUNG | MỖ PHẦN |
|--------|-------------------|---------|--------------|------------|---------|--------|------------------|---------|---------------|------------|---------|
| 2      | Liễu Thị Hoài Yên |         | Quý Sửu 1973 |            |         | 4      | Liễu Vạn Thắng   |         | Giáp Tý 1984  |            |         |
| 3      | Liễu Thị Thúy Yên |         | Ất Mão 1975  |            |         | 5      | Liễu Thị Thu Vân |         | Mậu Thìn 1988 |            |         |
|        |                   |         |              |            |         |        |                  |         |               |            |         |

**ĐỀ TỬ THẾ ĐẠI****ĐỜI THỨ TƯ****TRUYỀN NGOẠI TÔN ĐỀ TỬ TÔNG CHI**  
**THƯỢNG PHẢI****LIÊU THỊ ÉN – TRẦN CHÂU DU****(1927- (1924-1986)****Địa chỉ: Vĩnh Hội Ngọc Hiệp Nha Trang**

| Vị thứ | Tên Khai Sanh  | Tên húy | Năm sanh      | Mệnh Chung   | Mộ phần          |
|--------|----------------|---------|---------------|--------------|------------------|
| 3      | Trần Thị Phi   |         | Đinh Dậu 1957 |              |                  |
| 4      | Trần Châu Vược |         | Tân Sửu 1961  | Tân Sửu 1961 | Vườn nhà Phú Hội |
| 5      | Trần Thị Tuyết |         | Quý Mão 1963  |              |                  |
| 6      | Trần Châu Bửu  | Đen     | Đinh Mùi 1967 |              |                  |
| 7      | Trần Châu Dũng | Bụng    | Tân Hợi 1971  |              |                  |

**LIÊU THỊ MINH QUYÊN – BÙI VĂN HÌNH****(1936-1965)****Địa chỉ: Hội tỉnh Ân Hữu Hoài Ân**

| Vị thứ | Tên Khai Sanh | Tên húy | Năm sanh     | Mệnh Chung | Mộ phần |
|--------|---------------|---------|--------------|------------|---------|
| 2      | Bùi Duy Vũ    |         | Quý Mão 1963 |            |         |

**ĐỀ NGŨ THẾ ĐẠI****ĐỜI THỨ NĂM****TRUYỀN NGOẠI TANG TÔN ĐỀ TỬ TÔNG CHI****TRẦN THỊ PHI – VÕ VĂN ÂN****Địa chỉ:**

| Vị thứ | Tên Khai Sanh | Tên húy | Năm sanh     | Mệnh Chung | Mộ phần |
|--------|---------------|---------|--------------|------------|---------|
| 3      | Võ Thiện Tài  |         | Quý Hợi 1983 |            |         |
| 4      | Võ Thiện Trí  |         | Ất Sửu 1985  |            |         |
| 5      |               |         |              |            |         |
| 6      |               |         |              |            |         |
| 7      |               |         |              |            |         |

**TRẦN THỊ TUYẾT**

**Địa chỉ:**

| <b>Vị<br/>thứ</b> | <b>Tên Khai Sanh</b> | <b>Tên húy</b> | <b>Năm sinh</b> | <b>Mệnh Chung</b> | <b>Mộ phần</b> |
|-------------------|----------------------|----------------|-----------------|-------------------|----------------|
|                   |                      |                |                 |                   |                |

**TRẦN CHÂU BỬU – PHAN THỊ THU HIỀN**

**Địa chỉ: Vĩnh Hội Ngọc Hiệp**

| <b>Vị<br/>thứ</b> | <b>Tên Khai Sanh</b> | <b>Tên húy</b> | <b>Năm sinh</b> | <b>Mệnh Chung</b> | <b>Mộ phần</b> |
|-------------------|----------------------|----------------|-----------------|-------------------|----------------|
| 3                 | Trần Thị Minh Diệu   |                | Nhâm Thân 1992  |                   |                |
| 4                 | Trần Châu Bối        |                | Giáp Tuất 1994  |                   |                |

**TRẦN CHÂU DŨNG – HIỀN**

**Địa chỉ:**

| <b>Vị<br/>thứ</b> | <b>Tên Khai Sanh</b> | <b>Tên húy</b> | <b>Năm sinh</b> | <b>Mệnh Chung</b> | <b>Mộ phần</b> |
|-------------------|----------------------|----------------|-----------------|-------------------|----------------|
|                   |                      |                |                 |                   |                |

**BÙI DUY VŨ – TRẦN THỊ NHUNG**

**Địa chỉ: Ấp Cò vôi xã Phước tỉnh Long Đất BRVT**

| <b>Vị<br/>thứ</b> | <b>Tên Khai Sanh</b> | <b>Tên húy</b> | <b>Năm sinh</b> | <b>Mệnh Chung</b> | <b>Mộ phần</b> |
|-------------------|----------------------|----------------|-----------------|-------------------|----------------|
| 2                 | Bùi Trần Vina        |                | Kỷ Tí 1989      |                   |                |
| 3                 | Bùi Trần Vani        |                | Quý Dậu 1993    |                   |                |



**ĐỆ TAM THẾ ĐẠI  
ĐỜI THỨ BA**

**ĐỆ NGŨ TỔNG THƯỢNG PHẢI  
LIỄU VĂN CỬ- Tục danh XIÊM  
Nhâm Tý 1912**

**CHÁNH THÊ NGUYỄN THỊ LINH**

**KẾ THẮT VÕ THỊ AN**

| VỊ THỨ | TÊN KHAI SANH | TÊN HÚY | NĂM SANH       | MỆNH CHUNG       | MỘ PHẢN | VỊ THỨ | TÊN KHAI SANH | TÊN HÚY | NĂM SANH       | MỆNH CHUNG | MỘ PHẢN |
|--------|---------------|---------|----------------|------------------|---------|--------|---------------|---------|----------------|------------|---------|
| 2      | Liểu Văn Trợ  |         | Nhâm Thân 1932 | 12/2 Kỷ Dậu 1967 | (...)   | 5      | Liểu Thị Bê   |         | Giáp Thân 1944 |            |         |
| 3      | Liểu Văn Giáo | Nhơn    | Giáp Tuất 134  | Át Tý 1965       | (...)   | 6      | Liểu Văn Dự   |         | Đinh Hợi 1947  |            |         |
| 4      | Liểu Thị Huấn |         | Bính Tí 1936   | Mậu Tí 1948      | (...)   | 7      | Liểu Văn Bị   |         | Kỷ Sửu 1949    |            |         |

**ĐỀ TỬ ĐẠI**  
**ĐỒI THỬ TỬ**

**TRUYỀN NỘI TÔN ĐỀ NGŨ TÔNG CHI**  
**THƯỢNG PHÁI**

**LIỄU VĂN TRỢ**

**Địa chỉ:**

| Vị<br>thứ | Tên Khai Sanh | Tên húy | Năm sanh | Mệnh Chung | Mộ phần |
|-----------|---------------|---------|----------|------------|---------|
|           |               |         |          |            |         |

**LIỄU VĂN GIÁO – NHỊ LỊCH**

**Địa chỉ:**

| Vị<br>thứ | Tên Khai Sanh   | Tên húy | Năm sanh   | Mệnh Chung | Mộ phần |
|-----------|-----------------|---------|------------|------------|---------|
| 2         | Liễu Thị Phương |         | Ất Tỵ 1965 |            |         |

**LIỄU VĂN DỰ - THÁI THỊ XUÂN LANG**

**ĐẶNG THỊ NGÀ**

**Địa chỉ: 1A Cư xá Viễn Thông Trần Văn Kỳ Gia Định Bà Chiêu Bình Thạnh**

| Vị<br>thứ | Tên Khai Sanh           | Tên húy | Năm sanh       | Mệnh Chung | Mộ phần |
|-----------|-------------------------|---------|----------------|------------|---------|
| 2         | Liễu Thị Bích<br>Phượng |         | Đinh Mùi 1967  |            |         |
| 3         | Liễu Văn Long           |         | Canh Tuất 1970 |            |         |
| 4         | Liễu Văn Tâm            | Cu Tý   | Nhâm Tí 1972   |            |         |
| 5         | Liễu Văn Mậu            |         | Ất Mẹo 1975    |            |         |
| 6         | Liễu Bích Loan          |         | Nhâm Tí 1972   |            |         |
| 7         | Liễu Bích Huệ           |         | Giáp Dần 1974  |            |         |
| 8         | Liễu Bích Thủy          |         | Đinh Tị 1977   |            |         |
| 9         | Liễu Minh Tuấn          | Cu Quọ  | Kỷ Mùi 1979    |            |         |
| 10        | Liễu Bích Phương        |         | Canh Thân 1980 |            |         |
| Dư        | Liễu Bích Liên          |         | Nhâm Tuất 1982 |            |         |

**LIỄU VĂN BI – LONG THỀ HUỆ**

**Địa chỉ: 331 FRIENDS WOODAVE ELMONTE CA 91733 USA**

| Vị<br>thứ | Tên Khai Sanh         | Tên húy | Năm sanh    | Mệnh Chung | Mộ phần |
|-----------|-----------------------|---------|-------------|------------|---------|
| 2         | KIMBERTY Liễu<br>Long |         | Ất Sửu 1985 |            |         |

**ĐỜI THỨ TƯ**

**TRUYỀN NGOẠI TÔN ĐỆ NGŨ TÔNG CHI**  
**THƯỢNG PHÁI**

**LIỄU THỊ BÊ – ĐẶNG LỢI**

**Địa chỉ: 1/28 Trần Hưng Đạo Pleiku**

| Vị thứ | Tên Khai Sanh   | Tên húy | Năm sanh       | Mệnh Chung | Mộ phần |
|--------|-----------------|---------|----------------|------------|---------|
|        | Đặng Quang Vinh |         | Ất Tỵ 1965     |            |         |
|        | Đặng Thị Hạnh   |         | Mậu Thân 1968  |            |         |
|        | Đặng Quang Minh |         | Canh Tuất 1970 |            |         |
|        | Đặng Quang Bình | Cu Tèo  | Nhâm Tí 1972   |            |         |

**ĐỆ NGŨ ĐẠI**

**ĐỜI THỨ NĂM**

**THƯỢNG PHÁI ĐỆ NGŨ TÔNG CHI**  
**TRUYỀN NỘI NGOẠI TẢNG TÔN**

**NỘI**

**LIỄU VĂN LONG**

**Địa chỉ:**

| Vị thứ | Tên Khai Sanh | Tên húy | Năm sanh | Mệnh Chung | Mộ phần |
|--------|---------------|---------|----------|------------|---------|
|        |               |         |          |            |         |

**LIỄU VĂN TÂM**

**Địa chỉ:**

| Vị thứ | Tên Khai Sanh | Tên húy | Năm sanh | Mệnh Chung | Mộ phần |
|--------|---------------|---------|----------|------------|---------|
|        |               |         |          |            |         |

**LIỄU VĂN MẬU**

**Địa chỉ:**

| Vị thứ | Tên Khai Sanh | Tên húy | Năm sanh | Mệnh Chung | Mộ phần |
|--------|---------------|---------|----------|------------|---------|
|        |               |         |          |            |         |

**ĐỆ NGŨ THẾ ĐẠI**  
**ĐỆ NGŨ TỔNG CHI**

**NỘI NGOẠI TẦNG TÔN**

**NỘI**

**LIỄU MINH TUẤN**

**Địa chỉ:**

| <b>Vị<br/>thứ</b> | <b>Tên Khai Sanh</b> | <b>Tên húy</b> | <b>Năm sanh</b> | <b>Mệnh Chung</b> | <b>Mộ phần</b> |
|-------------------|----------------------|----------------|-----------------|-------------------|----------------|
|                   |                      |                |                 |                   |                |

**NGOẠI**

**LIỄU THỊ BÍCH PHƯỢNG**

**Địa chỉ:**

| <b>Vị<br/>thứ</b> | <b>Tên Khai Sanh</b> | <b>Tên húy</b> | <b>Năm sanh</b> | <b>Mệnh Chung</b> | <b>Mộ phần</b> |
|-------------------|----------------------|----------------|-----------------|-------------------|----------------|
|                   |                      |                |                 |                   |                |

**LIỄU BÍCH LOAN**

**Địa chỉ:**

| <b>Vị<br/>thứ</b> | <b>Tên Khai Sanh</b> | <b>Tên húy</b> | <b>Năm sanh</b> | <b>Mệnh Chung</b> | <b>Mộ phần</b> |
|-------------------|----------------------|----------------|-----------------|-------------------|----------------|
|                   |                      |                |                 |                   |                |

**LIỄU BÍCH HUỆ**

**Địa chỉ:**

| <b>Vị<br/>thứ</b> | <b>Tên Khai Sanh</b> | <b>Tên húy</b> | <b>Năm sanh</b> | <b>Mệnh Chung</b> | <b>Mộ phần</b> |
|-------------------|----------------------|----------------|-----------------|-------------------|----------------|
|                   |                      |                |                 |                   |                |

**LIỄU BÍCH THỦY**

**Địa chỉ:**

| <b>Vị<br/>thứ</b> | <b>Tên Khai Sanh</b> | <b>Tên húy</b> | <b>Năm sanh</b> | <b>Mệnh Chung</b> | <b>Mộ phần</b> |
|-------------------|----------------------|----------------|-----------------|-------------------|----------------|
|                   |                      |                |                 |                   |                |

**LIỄU BÍCH PHƯƠNG**

**Địa chỉ:**

| <b>Vị<br/>thứ</b> | <b>Tên Khai Sanh</b> | <b>Tên húy</b> | <b>Năm sanh</b> | <b>Mệnh Chung</b> | <b>Mộ phần</b> |
|-------------------|----------------------|----------------|-----------------|-------------------|----------------|
|                   |                      |                |                 |                   |                |

**LIÊU BÍCH LIÊN**

**Địa chỉ:**

| <b>Vị<br/>thứ</b> | <b>Tên Khai Sanh</b> | <b>Tên húy</b> | <b>Năm sanh</b> | <b>Mệnh Chung</b> | <b>Mộ phần</b> |
|-------------------|----------------------|----------------|-----------------|-------------------|----------------|
|                   |                      |                |                 |                   |                |

**LIÊU THỊ PHƯƠNG**

**Địa chỉ:**

| <b>Vị<br/>thứ</b> | <b>Tên Khai Sanh</b> | <b>Tên húy</b> | <b>Năm sanh</b> | <b>Mệnh Chung</b> | <b>Mộ phần</b> |
|-------------------|----------------------|----------------|-----------------|-------------------|----------------|
|                   |                      |                |                 |                   |                |

**KIMBERTY LIÊU LONG**

**Địa chỉ:**

| <b>Vị<br/>thứ</b> | <b>Tên Khai Sanh</b> | <b>Tên húy</b> | <b>Năm sanh</b> | <b>Mệnh Chung</b> | <b>Mộ phần</b> |
|-------------------|----------------------|----------------|-----------------|-------------------|----------------|
|                   |                      |                |                 |                   |                |

**ĐỆ TAM THẾ ĐẠI  
ĐỜI THỨ BA**

**ĐỆ LỤC TỔNG CHI THƯỢNG PHÁI  
DƯỜNG TỬ LIỄU VẤN HUỲNH**

| VỊ THỨ | TÊN KHAI SANH  | TÊN HUY | NĂM SANH | MỆNH CHUNG | MỌ PHẢN | VỊ THỨ | TÊN KHAI SANH | TÊN HUY | NĂM SANH | MỆNH CHUNG | MỌ PHẢN |
|--------|----------------|---------|----------|------------|---------|--------|---------------|---------|----------|------------|---------|
| 2      | Liễu Văn Lý    |         |          |            |         |        |               |         |          |            |         |
| 3      | Liễu Văn Quyền |         |          |            |         |        |               |         |          |            |         |
| 4      | Liễu Văn Thế   |         |          |            |         |        |               |         |          |            |         |

**TRƯỞNG NỮ CÔ BÀ LIỄU THỊ THẬU - TỬ TÀI NGHIÊM TRANG**

**Địa chỉ: Kim Sơn – Hoài Ân – Bình Định**

| VỊ THỨ | TÊN KHAI SANH  | TÊN HÚY | NĂM SANH      | MỆNH CHUNG       | MỘ PHẦN   | VỊ THỨ | TÊN KHAI SANH  | TÊN HÚY | NĂM SANH     | MỆNH CHUNG  | MỘ PHẦN      |
|--------|----------------|---------|---------------|------------------|-----------|--------|----------------|---------|--------------|-------------|--------------|
| 2      | Nghiêm Hiên    | Cảng    | Giáp Ngọ 1894 |                  |           | 13     | Nghiêm Thị Mên | Kham    |              |             |              |
| 3      | Nghiêm Luận    | Kênh    | Ất Mùi 1895   | 25/11 Ất Tị 1965 | Nha Trang | 14     | Nghiêm Bình    | Lão     | Tân Hợi 1911 | Ất Hợi 1995 | Chi nê       |
| 4      | Nghiêm Đoàn    | Bồ      |               |                  |           | 16     | Nghiêm Thị Hời | Như     |              |             | Gò Miếu vàng |
| 6      | Nghiêm Thị Phó |         |               |                  |           | 17     | Nghiêm Thị Úc  | Tảo     |              |             |              |

**CÔ BÀ LIỄU THỊ HÒI – TRẦN CÔNG LỢI**

**Địa chỉ: Xóm quánh Kim Sơn Ân Nghĩa**

| VỊ THỨ | TÊN KHAI SANH | TÊN HÚY | NĂM SANH     | MỆNH CHUNG | MỘ PHẦN | VỊ THỨ | TÊN KHAI SANH | TÊN HÚY | NĂM SANH | MỆNH CHUNG | MỘ PHẦN |
|--------|---------------|---------|--------------|------------|---------|--------|---------------|---------|----------|------------|---------|
| 3      | Trần Tư       | Hoạn    | Canh Tí 1900 |            |         | 6      | Trần Châm     | Bình    |          |            |         |
| 4      | Trần Thị Bản  | Bình    | Quý Mão 1903 |            |         | 7      | Trần Nhâm     |         |          |            |         |
| 5      | Trần Chính    |         |              |            |         | 8      | Trần Thị Mị   | Tạo     |          |            |         |

## **CÔ BÀ ÚT LIỄU THỊ HUỲNH – DƯ MÙI**

**Địa chỉ: Chợ Kim Sơn**

| VỊ THỨ  | TÊN KHAI SANH | TÊN HÚY | NĂM SANH | MỆNH CHUNG | MỘ PHẢN | VỊ THỨ | TÊN KHAI SANH | TÊN HÚY | NĂM SANH | MỆNH CHUNG | MỘ PHẢN |
|---------|---------------|---------|----------|------------|---------|--------|---------------|---------|----------|------------|---------|
| Vô sinh |               |         |          |            |         |        |               |         |          |            |         |

## **CÔ BÀ LIỄU THỊ MÙI – THÔNG LẠI NGUYỄN TRUNG**

**Địa chỉ: Vườn Thơm – Hội Phú – An Hữu**

| VỊ THỨ | TÊN KHAI SANH  | TÊN HÚY | NĂM SANH      | MỆNH CHUNG     | MỘ PHẢN             | VỊ THỨ | TÊN KHAI SANH  | TÊN HÚY  | NĂM SANH       | MỆNH CHUNG     | MỘ PHẢN             |
|--------|----------------|---------|---------------|----------------|---------------------|--------|----------------|----------|----------------|----------------|---------------------|
| 2      | Nguyễn Thị Mậu | Diệp    | Đinh Mùi 1907 | Quý Dậu 1933   | Vườn dừa Hội Phú    | 7      | Nguyễn Thống   | Mốt      | Bính Thìn 1916 | Giáp Thân 1944 | Nghĩa trang Thủ Đức |
| 4      | Nguyễn Xước    | Ám      | Tân Hợi 1911  |                | Nghĩa trang Thủ Đức | 9      | Nguyễn Thị Hoa | Chín chị | Nhâm Tuất 1922 | Quý Mùi 1943   | Suối ...            |
| 5      | Nguyễn Lang    | Hương   | Nhâm Tí 1912  | Bính Tuất 1946 | Nghĩa trang Thủ Đức | Dư     | Nguyễn Chín    | Chín em  | Át Sửu 1925    | Nhâm Dần 1962  | Tam Hiệp ...        |

## **CÔ BÀ LIỄU THỊ CHÚT – LÝ TRƯỞNG TRẦN DẠT**

**Địa chỉ: Nhơn Sơn – Hoài ân – Bình Định**

| VỊ THỨ | TÊN KHAI SANH | TÊN HÚY | NĂM SANH       | MỆNH CHUNG    | MỘ PHẢN  | VỊ THỨ | TÊN KHAI SANH | TÊN HÚY | NĂM SANH     | MỆNH CHUNG    | MỘ PHẢN                   |
|--------|---------------|---------|----------------|---------------|----------|--------|---------------|---------|--------------|---------------|---------------------------|
| 2      | Trần Nhấn     |         | Nhâm Tuất 1922 | Canh Ngọ 1930 | Nhơn Sơn | 3      | Trần Lương    |         | Giáp Tí 1924 | Nhâm Ngọ 1942 | Bỏ đi biệt xứ - biệt tích |



# **CÔ BÀ LIỄU THỊ CẨM – HUỲNH NGẠO**

**Địa chỉ: Xóm Bàu Địa linh – Kim Sơn**

| VỊ THỨ | TÊN KHAI SANH  | TÊN HÚY | NĂM SANH     | MỆNH CHUNG | MỘ PHẦN | VỊ THỨ | TÊN KHAI SANH | TÊN HÚY | NĂM SANH      | MỆNH CHUNG | MỘ PHẦN |
|--------|----------------|---------|--------------|------------|---------|--------|---------------|---------|---------------|------------|---------|
| 2      | Huỳnh Thị Lóng | Nhon    | Mậu Ngọ 1918 |            |         | 5      | Huỳnh Thị Côi |         | Bính Dần 1926 |            |         |
| 3      | Huỳnh Can      | Cật     | Tân Dậu 1921 |            |         | 6      | Huỳnh Trâm    | Nà      | Mậu Thìn 1928 |            |         |
| 4      | Huỳnh Tỷ       | Giái    | Giáp Tí 1924 |            |         |        |               |         |               |            |         |

# **CÔ BÀ LIỄU THỊ HE – TRẦN KINH**

**NGUYỄN TỬ**

**Địa chỉ: Thị Xã Kontum – Tây Nguyên**

| VỊ THỨ | TÊN KHAI SANH        | TÊN HÚY | NĂM SANH     | MỆNH CHUNG                 | MỘ PHẦN           | VỊ THỨ | TÊN KHAI SANH    | TÊN HÚY | NĂM SANH      | MỆNH CHUNG | MỘ PHẦN |
|--------|----------------------|---------|--------------|----------------------------|-------------------|--------|------------------|---------|---------------|------------|---------|
|        | Trần Văn Sách        |         | Kỷ Mùi 1919  | Canh Thân 1920             | Đồng hâu Ân Tường |        | Nguyễn Hữu Tài   |         | Mậu Thìn 1928 |            |         |
|        | Trần Nguyễn Thành Vở |         | Tân Dậu 1921 |                            |                   |        | Nguyễn Thanh Hóa |         | Át Hợi 1935   |            |         |
|        | Nguyễn Thị Kỳ        |         | Át Sửu 1925  | Nữ tu sĩ công giáo (Soeur) |                   |        |                  |         |               |            |         |

## LÒNG NÀY QUA GIÓ

Anh em cùng hệ đồng tông  
“Tái tùng thúc bá” còn trong thâm tình.  
Tôn ti, cấp bậc phân minh,  
Dỡ đần lúc ngặt, hết mình lâm nguy!  
Làm người biết nghĩ biết suy,  
Đã cùng chung gốc, nhánh chi đề huề.  
Hoa thơm, trái ngọt, ai chê?  
Sức kia, lực nọ, dù nghề, ai hơn?  
Anh em như thể tay chơn,  
Loạn ly cách biệt, mãi gần tâm tư.  
Phương trời góc bể mặc dù  
Uy danh tâm niệm tỏ bù gốc Ông.  
Ở đời, gạn đục khơi trong,  
ĐỨC, NHÂN, NGHĨA, ÁI ... vốn dòng tộc ta.  
Thống truyền Tổ phụ, ông, cha:  
Văn minh, văn học tạo đà cháu con.  
Tiến cao Hiếu rộng lòng son,  
Minh thông mẫn đạt, vương tròn người nay.  
Hiếu tử không chỉ ma chay,  
Mà làm rạng rỡ mặt mày tộc tông.  
Tội kia gán kẻ dối lòng,  
Phạm hư danh dự họ dòng Tổ tiên.  
Rãi gieo qua gió các miền,  
Cháu con thu nhặt, kết giềng mối chung  
Nhắc sao cho hết tận sùng...  
MẠNH HẠ ĐÌNH MÃO 87  
PHƯỚC GIA TRANG

**BẢO ĐỆ TIỀN ĐẠO KHAI LẬP TỔNG TỘC ĐỀ NHI (TRUNG) PHÁI**

**ĐỀ NHI THỀ ĐẠI  
ĐỜI THỨ HAI**

**NỘI CỐ: LIỄU PHƯỚC HÒA**  
**(1853-1930)**

**CHÁNH THỀ: TRẦN THỊ TY**

| VỊ THỨ | TÊN KHAI SANH   | TÊN HÚY | NĂM SANH       | MỆNH CHUNG | MỘ PHẢN            | VỊ THỨ | TÊN KHAI SANH   | TÊN HÚY | NĂM SANH      | MỆNH CHUNG      | MỘ PHẢN |
|--------|-----------------|---------|----------------|------------|--------------------|--------|-----------------|---------|---------------|-----------------|---------|
|        | Liễu Thị Tà     |         | Quý Tị 1893    |            | Nha Trang Qui Nhơn |        | Liễu Điều Thỉnh | Ám      | Quý Ty 1893   |                 |         |
|        | Liễu Thị Ưông   | Tịch    | Bính Thân 1896 |            |                    |        | Liễu Thị Thực   | Thường  | Đinh Dậu 1897 |                 |         |
|        | Liễu Phước Văn  | Dây     | Mậu Tuất 1898  |            |                    |        | Liễu Minh Châu  | Cống    | Canh Tí 1900  | 9.7 Kỷ Dậu 1969 |         |
|        | Liễu Thiệu Đào  | Xe      | Kỷ Hợi 1899    |            |                    |        |                 |         |               |                 |         |
|        | Liễu Thiệu Hùng | Kéo     | Tân Sửu 1901   |            |                    |        |                 |         |               |                 |         |
|        | Liễu Phước Văn  |         | Giáp Thìn 1904 |            |                    |        |                 |         |               |                 |         |

**ĐỀ TAM THẾ ĐẠI**  
**ĐỜI THỨ BA**

**HẬU DUỆ NỘI TÔN ĐỀ NHỊ PHÁI**

**LIỄU PHƯỚC VĂN – TRẦN THỊ CHUN**

**Địa chỉ:**

| Vị thứ | Tên Khai Sanh   | Tên húy | Năm sanh       | Mệnh Chung           | Mộ phần            |
|--------|-----------------|---------|----------------|----------------------|--------------------|
|        | Liễu Hồng Tân   | Cần     | Canh Thân 1920 | 27.3 Bính Tý<br>1996 | Nha Tranh Qui Nhon |
|        | Liễu Phước Kiến |         | Đinh Mão 1927  | Giáp Thân 1944       |                    |

**ĐỀ TỬ THẾ ĐẠI**  
**ĐỜI THỨ TƯ**

**LIỄU HỒNG TÂN – NGUYỄN THỊ ÂN**

**Địa chỉ:**

| Vị thứ | Tên Khai Sanh    | Tên húy | Năm sanh       | Mệnh Chung | Mộ phần |
|--------|------------------|---------|----------------|------------|---------|
| 2      | Liễu Hồng Tính   | Minh    | Giáp Thân 1944 |            |         |
| 4      | Liễu Thị Tâm     | Chi     | Đinh Dậu 1957  |            |         |
| 5      | Liễu Thị Kim Nga | Sĩ      | Quý Mão 1963   |            |         |

**HẬU DUỆ NỘI TÔN ĐỀ NHỊ PHÁI**

**ĐỀ NGŨ ĐẠI**  
**ĐỜI THỨ NĂM**

**NỘI TÀNG TÔN**

**LIỄU HỒNG TÍNH – TRẦN THỊ LOAN (Phương)**

**Địa chỉ: 219 Nguyễn Thị Minh Khai Q.trung Quy Nhon**

| Vị thứ | Tên Khai Sanh       | Tên húy | Năm sanh      | Mệnh Chung | Mộ phần |
|--------|---------------------|---------|---------------|------------|---------|
| 2      | Liễu Thị Ánh Nguyệt |         | Tân Hợi 1971  |            |         |
| 3      | Liễu Phước Nhật     |         | Nhâm Tý 1972  |            |         |
| 4      | Liễu Phước Nhon     |         | Giáp Dần 1974 |            |         |
| 5      | Liễu Phước Thanh    |         | Đinh Tỵ 1977  |            |         |
| 6      | Liễu Thị ánh Lan    |         | Kỷ Mùi 1979   |            |         |
| 7      | Liễu Thi Anh Vi     |         | Tân Dậu 1981  |            |         |

**NGOẠI TÀNG TÔN  
LIỄU THỊ TÂM – HUỖNH VĂN PHÚC**

**Địa chỉ:**

| Vị thứ | Tên Khai Sanh     | Tên húy | Năm sanh       | Mệnh Chung | Mộ phần |
|--------|-------------------|---------|----------------|------------|---------|
| 2      | Huỳnh Thị Hoa     |         | Mậu Ngọ 1978   |            |         |
| 3      | Huỳnh Quốc Tuấn   |         | Canh Thân 1980 |            |         |
| 4      | Huỳnh Quốc Trung  |         | Nhâm Tuất 1982 |            |         |
| 5      | Huỳnh Thị Nhã Hoa |         | Giáp Tuất 1994 |            |         |

**LIỄU THỊ KIM NGÀ – ĐỖ NGỌC LONG**

**Địa chỉ:**

| Vị thứ | Tên Khai Sanh | Tên húy | Năm sanh     | Mệnh Chung | Mộ phần |
|--------|---------------|---------|--------------|------------|---------|
| 2      | Đỗ Nhật Nam   |         | Quý Dậu 1993 |            |         |

**HẬU DUỆ NỘI TÀNG TÔN ĐỀ NHI PHÁI**

**ĐỀ LỤC ĐẠI  
ĐỜI THỨ SÁU**

**LIỄU ÁNH NGUYỆT – LÂM TẤN MỸ**

**Địa chỉ: 40 Phan Chu Trinh P.Hải Cảng Qui Nhơn**

| Vị thứ | Tên Khai Sanh  | Tên húy | Năm sanh       | Mệnh Chung | Mộ phần |
|--------|----------------|---------|----------------|------------|---------|
| 2      | Lâm Hoàng Việt |         | Giáp Tuất 1.95 |            |         |

**HẬU DUỆ NỘI TÔN ĐỀ NHI PHÁI**

**ĐỀ TAM ĐẠI  
ĐỜI THỨ BA**

**LIỄU THIỆU ĐÀO – VÕ THỊ HÀ**

**Địa chỉ:**

| Vị thứ | Tên Khai Sanh  | Tên húy | Năm sanh      | Mệnh Chung    | Mộ phần |
|--------|----------------|---------|---------------|---------------|---------|
|        | Liễu Thị Cảnh  |         | Tân Dậu 1921  | Mậu Dần 1926  |         |
|        | Liễu Văn Yên   |         | Quý Hợi 1923  | Kỷ Tỵ 1929    |         |
|        | Liễu Thị Ngữ   |         | Ất Sửu 1925   | Đinh Hợi 1947 |         |
|        | Liễu Thị Hương |         | Mậu Thìn 1928 |               |         |
|        | Liễu Văn Thắng |         | Tân Mùi 1931  |               |         |

| Vị thứ | Tên Khai Sanh | Tên húy | Năm sinh       | Mệnh Chung | Mộ phần |
|--------|---------------|---------|----------------|------------|---------|
|        | Liễu Văn Tấn  | Đắc     | Giáp Tuất 1934 | Ất Tỵ 1965 |         |

## **NỘI TÔN**

### **ĐỀ TỬ ĐẠI** **ĐỜI THỨ TƯ**

**LIỄU VĂN THẮNG – BÙI THỊ THU**

**Địa chỉ:**

| Vị thứ | Tên Khai Sanh  | Tên húy | Năm sinh       | Mệnh Chung | Mộ phần |
|--------|----------------|---------|----------------|------------|---------|
|        | Liễu Minh Hoài |         | Ất Tị 1965     |            |         |
|        | Liễu Minh Tuấn |         | Canh Tuất 1970 |            |         |
|        | Liễn Hoài Nam  |         | Giáp Dần 1974  |            |         |

**LIỄU VĂN TẤN – TRƯƠNG THỊ HẢI**

**Địa chỉ:**

| Vị thứ | Tên Khai Sanh | Tên húy | Năm sinh | Mệnh Chung | Mộ phần |
|--------|---------------|---------|----------|------------|---------|
|        |               |         |          |            |         |

## **HẬU DUỆ NỘI TÔN ĐỀ NHỊ PHÁI**

### **ĐỀ TAM ĐẠI** **ĐỜI THỨ BA**

**LIỄU THIỆU HÙNG –**

**Địa chỉ:**

| Vị thứ | Tên Khai Sanh | Tên húy  | Năm sinh     | Mệnh Chung | Mộ phần |
|--------|---------------|----------|--------------|------------|---------|
| 2      | Liễu Hồng Hải | Dương Bệ | Mậu Dần 1938 |            |         |
| 3      | Liễu Hồng Hi  |          |              |            |         |

## NỘI TÔN

### ĐỀ TỬ ĐẠI ĐỜI THỨ TƯ

LIỄU HỒNG HẢI - TRƯƠNG THỊ CHÁP

Địa chỉ:

| Vị thứ | Tên Khai Sanh   | Tên húy | Năm sanh | Mệnh Chung | Mộ phần |
|--------|-----------------|---------|----------|------------|---------|
| 2      | Liễu Hồng Lục   |         |          |            |         |
| 3      | Liễu Hồng Cường |         |          |            |         |
| 4      | Liễu Thị Lệ     |         |          |            |         |
| 5      | Liễu Thị Hằng   |         |          |            |         |

### ĐỀ NGŨ ĐẠI ĐỜI THỨ NĂM

## NỘI TÀNG TÔN

LIỄU HỒNG LỰC -

Địa chỉ: Nghĩa đường Kim Sơn Ân Nghĩa

| Vị thứ | Tên Khai Sanh | Tên húy | Năm sanh | Mệnh Chung | Mộ phần |
|--------|---------------|---------|----------|------------|---------|
|        |               |         |          |            |         |

LIỄU HỒNG CƯỜNG -

Địa chỉ: Nghĩa đường Kim Sơn Ân Nghĩa

| Vị thứ | Tên Khai Sanh | Tên húy | Năm sanh | Mệnh Chung | Mộ phần |
|--------|---------------|---------|----------|------------|---------|
|        |               |         |          |            |         |

## NGOẠI TÀNG TÔN

LIỄU THỊ LỆ -

Địa chỉ:

| Vị thứ | Tên Khai Sanh | Tên húy | Năm sanh | Mệnh Chung | Mộ phần |
|--------|---------------|---------|----------|------------|---------|
|        |               |         |          |            |         |

**LIỄU THỊ HÀNG -****Địa chỉ:**

| Vị thứ | Tên Khai Sanh | Tên húy | Năm sinh | Mệnh Chung | Mộ phần |
|--------|---------------|---------|----------|------------|---------|
|        |               |         |          |            |         |

**HẬU DUỆ NỘI TÔN ĐỆ NHI PHÁI****ĐỆ TAM ĐẠI****ĐỜI THỨ BA****LIỄU ĐIỀU THÍNH -****Địa chỉ:**

| Vị thứ | Tên Khai Sanh    | Tên húy | Năm sinh       | Mệnh Chung    | Mộ phần |
|--------|------------------|---------|----------------|---------------|---------|
| 2      | Liễu Thị Mân     |         | Ất Sửu 1925    |               |         |
| 6      | Liễu Hồng Phong  | Thong   | Giáp Tuất 1934 | Nhâm Dần 1962 | (...)   |
| 7      | Liễu Thị Vân Anh |         |                |               |         |

**NỘI TÔN****ĐỆ TỬ ĐẠI****ĐỜI THỨ TƯ****LIỄU HỒNG PHONG - NGUYỄN THỊ LIÊN****Địa chỉ: Tân Lập Song An An Khê**

| Vị thứ | Tên Khai Sanh  | Tên húy | Năm sinh       | Mệnh Chung | Mộ phần |
|--------|----------------|---------|----------------|------------|---------|
| 2      | Liễu Minh Bằng |         | Bính Thân 1956 |            |         |
| 3      | Liễu Hồng Quân |         | Kỷ Hợi 1959    |            |         |

**ĐỆ NGŨ ĐẠI****ĐỜI THỨ NĂM****NỘI TÀNG TÔN****LIỄU MINH BẰNG - HUỲNH THỊ PHƯƠNG****Địa chỉ: Tân lập Song an An Khê**

| Vị thứ | Tên Khai Sanh | Tên húy | Năm sinh      | Mệnh Chung | Mộ phần |
|--------|---------------|---------|---------------|------------|---------|
| 2      | Liễu Minh Hậu |         | Tân Dậu 1981  |            |         |
| 3      | Liễu Thị Hằng |         | Giáp Tý 1984  |            |         |
| 4      | Liễu Minh Di  |         | Bính Dần 1986 |            |         |



**LIỄU HỒNG QUÂN – LƯU THỊ TUYẾT****Địa chỉ: Thị trấn An Khê**

| Vị thứ | Tên Khai Sanh | Tên húy | Năm sanh       | Mệnh Chung | Mộ phần |
|--------|---------------|---------|----------------|------------|---------|
|        | Liễu Thị Phò  |         | Canh Thân 1980 |            |         |
|        |               | Tí anh  | Nhâm Tuất 1982 |            |         |
|        |               | Tí em   | Giáp Tí 1984   |            |         |
|        |               | năm     | Bính Dần 1986  |            |         |

**HẬU DUỆ NỘI TÔN ĐỆ NHỊ PHÁI****ĐỆ TAM ĐẠI****ĐỜI THỨ BA****LIỄU MINH CHÂU – NGUYỄN THỊ PHỈ****(1900-1969) PHAN THỊ MỘT****Địa chỉ:**

| Vị thứ | Tên Khai Sanh   | Tên húy | Năm sanh      | Mệnh Chung    | Mộ phần      |
|--------|-----------------|---------|---------------|---------------|--------------|
| 2      | Liễu Phước Bích |         | Giáp Tí 1924  | Đinh Hợi 1947 | Đồng Ó (..)  |
| 3      | Liễu Thị Thìn   |         | Mậu Thìn 1928 | Mậu Tí 1948   | Gia Đức (..) |
| 4      | Liễu Phước Bốn  |         | Tân Mùi 1931  |               |              |
| 5      | Liễu Thị Xuân   |         | Đinh Hợi 1947 |               |              |

**NỘI TÔN****ĐỆ TỬ ĐẠI****ĐỜI THỨ TƯ****LIỄU PHƯỚC BÓN – NGUYỄN THỊ XUỐT (XUỐT)****Địa chỉ: Bình an Phú Ninh Ân Nghĩa**

| Vị thứ | Tên Khai Sanh    | Tên húy | Năm sanh       | Mệnh Chung | Mộ phần |
|--------|------------------|---------|----------------|------------|---------|
| 2      | Liễu Văn Phòng   |         | Canh Tí 1960   |            |         |
| 3      | Liễu Thị Huê     |         | Nhâm Dần 1962  |            |         |
| 4      | Liễu Thị Mai     |         | Giáp Thìn 1964 |            |         |
| 5      | Liễu Thị Đào     |         | Đinh Mùi 1967  |            |         |
| 6      | Liễu Văn Sương   |         | Kỷ Dậu 1969    |            |         |
| 7      | Liễu Thị Thu Rơi |         | Nhâm Tí 1972   |            |         |
| 8      | Liễu Thị Thu Rớt |         | Quý Sửu 1973   |            |         |

| Vị<br>thứ | Tên Khai Sanh      | Tên húy | Năm sanh       | Mệnh Chung | Mộ phần |
|-----------|--------------------|---------|----------------|------------|---------|
| 9         | Liễu Thị Hồng Điệp |         | Ất Mẹo 1975    |            |         |
| 10        | Liễu Thị Đánh      |         | Bính Thìn 1976 |            |         |
| 11        | Liễu Thị Nhánh     |         | Quý Hợi 1983   |            |         |
|           |                    |         |                |            |         |

## NGOẠI TÔN

### ĐỀ TỬ ĐẠI ĐÔI THỨ TƯ

**LIỄU THỊ THÌN - NGUYỄN NHƯ CẨM**

**Địa chỉ: Gia Đức Ân Đức**

| Vị<br>thứ | Tên Khai Sanh      | Tên húy | Năm sanh | Mệnh Chung | Mộ phần |
|-----------|--------------------|---------|----------|------------|---------|
| 2         | Nguyễn Thị Thanh   |         |          |            |         |
| 3         | Nguyễn Phương Chấn |         |          |            |         |

### ĐỀ NGŨ THỂ ĐẠI ĐÔI THỨ NĂM

**LIỄU THỊ HUÊ**

**Địa chỉ:**

| Vị<br>thứ | Tên Khai Sanh | Tên húy | Năm sanh | Mệnh Chung | Mộ phần |
|-----------|---------------|---------|----------|------------|---------|
|           |               |         |          |            |         |

**LIỄU THỊ MAI**

**Địa chỉ:**

| Vị<br>thứ | Tên Khai Sanh | Tên húy | Năm sanh | Mệnh Chung | Mộ phần |
|-----------|---------------|---------|----------|------------|---------|
|           |               |         |          |            |         |

**HẠ PHÁI**  
**BẢO ĐỆ TIỀN ĐẠO KHAI LẬP TỔNG TỘC HẠ PHÁI**

**ĐỆ NHỊ THẾ ĐẠI**  
**ĐÔI THỨ HAI**

**NỘI CỐ: LIỄU PHƯỚC HỘI**  
**(1855-1908)**  
**TRẦN THỊ MẪN**

| VỊ THỨ | TÊN KHAI SANH  | TÊN HUY | NĂM SANH      | MỆNH CHUNG       | MỌ PHẢN           | VỊ THỨ | TÊN KHAI SANH   | TÊN HUY | NĂM SANH      | MỆNH CHUNG     | MỌ PHẢN      |
|--------|----------------|---------|---------------|------------------|-------------------|--------|-----------------|---------|---------------|----------------|--------------|
| 2      | Liễu Thị Thiệp |         | Đinh Dậu 1897 | Đinh Hợi 1947    | Vườn phó (...)    | 6      | Liễu Phùng Đình |         | Ất Tỵ 1905    | Bính Ngọ 1906  | Thổ mộ (...) |
| 4      | Liễu Thị Tiếp  |         | Kỷ Hợi 1899   | Quý Sửu 1913     | Thổ Mộ (...)      | 7      | Liễu Thị Ngọ    |         | Bính Ngọ 1906 | Bính Thìn 1916 | Thổ mộ (...) |
| 5      | Liễu Đình Ngó  | Kiết    | Quý Mão 1903  | 26.01 Kỷ Ty 1989 | Nghĩa Trang (...) |        |                 |         |               |                |              |

***Biệt Chú:***

***Truyền rằng:*** Vào năm Mậu Thân 1908 có xảy ra đột biến trong tộc họ và gia đình của Nội Cố PHƯỚC HỘI buồn lòng trắc ẩn riêng tư người bỏ xứ ra đi biệt tích để lại vợ con nơi quê hương nhờ gia đình anh cả đùm bọc.

## **HẬU DUỆ NỘI TÔN HẠ PHÁI**

### **ĐỀ TAM THẾ ĐẠI**

#### **ĐỜI THỨ BA**

**LIỄU ĐÌNH NGÔ – TÔN NỮ THỊ NHƠN**  
(1903-1989)

**Địa chỉ: 20 Tầng Bạt Hồ Qui Nhơn**

| <b>Vị thứ</b> | <b>Tên Khai Sanh</b> | <b>Tên húy</b> | <b>Năm sanh</b> | <b>Mệnh Chung</b>  | <b>Mộ phần</b> |
|---------------|----------------------|----------------|-----------------|--------------------|----------------|
| 2             | Liễu Thị Mai Dương   | Lội            | Canh Ngọ 1930   |                    |                |
| 3             | Liễu Thị Đông Mân    | Bơi            | Quý Dậu 1933    |                    |                |
| 4             | Liễu Đình Dinh       | Lớn            | Ất Hợi 1935     | 19.4 Nhâm Tý 1972  |                |
| 5             | Liễu Đình Đồng       | Em             | Đinh Sửu 1937   |                    |                |
| 6             | Liễu Thị Ngọc Thăng  | út             | Kỷ Mẹo 1939     |                    |                |
| 7             | Liễu Đình Thu        |                | Nhâm Ngọ 1942   | 12.9 Nhâm Dần 1962 |                |
| 8             | Liễu Thị Ngọc Thúy   |                | Giáp Thân 1944  |                    |                |
| Ngoại hôn     | Liễu Thị Ngọc Quyên  |                |                 |                    |                |

## **NỘI TÔN HẠ PHÁI**

### **ĐỀ TỨ THẾ ĐẠI**

#### **ĐỜI THỨ TƯ**

**LIỄU ĐÌNH DINH – LÂM THỊ KIM CHI**  
(1935 – 1972)

**Địa chỉ:**

| <b>Vị thứ</b> | <b>Tên Khai Sanh</b> | <b>Tên húy</b> | <b>Năm sanh</b> | <b>Mệnh Chung</b> | <b>Mộ phần</b> |
|---------------|----------------------|----------------|-----------------|-------------------|----------------|
| 2             | Liễu Thị Ngọc Thùy   |                | Mậu Tuất 1958   |                   |                |
| 3             | Liễu Anh Tuấn        |                | Nhâm Dần 1962   |                   |                |
| 4             | Liễu Thị Bạch Tuyết  |                | Bính Ngọ 1966   |                   |                |

**LIỄU ĐÌNH ĐỒNG – NGUYỄN THỊ DIỆU MINH**

**Địa chỉ: 14/05 Ngõ T6át Tố Thị Nghè Sài Gòn**

| <b>Vị thứ</b> | <b>Tên Khai Sanh</b> | <b>Tên húy</b> | <b>Năm sanh</b> | <b>Mệnh Chung</b> | <b>Mộ phần</b> |
|---------------|----------------------|----------------|-----------------|-------------------|----------------|
| 2             | Liễu Thị Minh Tâm    |                | Canh Tuất 1970  |                   |                |

## NGOẠI TÔN HẠ PHẢI

### ĐỀ TỬ THỂ ĐẠI ĐỜI THỨ TƯ

LIÊU THỊ MAI DƯƠNG – TĂNG THIÊN BỪU

Địa chỉ: 38/A<sup>2</sup> Trần Phú Đà Nẵng

| Vị thứ | Tên Khai Sanh        | Tên húy | Năm sanh       | Mệnh Chung   | Mộ phần |
|--------|----------------------|---------|----------------|--------------|---------|
|        | Tăng Quốc Dũng       |         | Giáp Ngọ 1954  | 8.11 Nhâm Tý | Hội An  |
|        | Tăng QUỐC Hùng       |         | Bính Thân 1956 |              |         |
|        | Tăng Quốc Bình       | Cường   | Mậu Tuất 1958  |              |         |
|        | Tăng Quốc Định       | Bình    | Kỷ Hợi 1959    |              |         |
|        | Tăng Thị Quốc Hương  | Bé Chi  | Nhâm Dần 1962  |              |         |
|        | Tăng Thị Quốc Phương | Bé em   | Quý Mão 1963   |              |         |
|        | Tăng Thị Quốc An     | Bé Chút | Ất Tị 1965     |              |         |
|        | Tăng Thị Quốc Phương | Bé út   | Đinh Mùi 1967  |              |         |

LIÊU THỊ ĐÔNG MÂN – NGUYỄN KIM HIỀN

Địa chỉ: 606N BRADFORD AVE TAMPA FLOR 33609 USA

| Vị thứ | Tên Khai Sanh      | Tên húy | Năm sanh      | Mệnh Chung | Mộ phần |
|--------|--------------------|---------|---------------|------------|---------|
|        | Nguyễn Sĩ Tiến     |         | Ất Tỵ 1965    |            |         |
|        | Nguyễn Khoa Tân    |         | Bính Ngọ 1966 |            |         |
|        | Nguyễn Đắc Thịnh   |         | Mậu Thân 1968 |            |         |
|        | Nguyễn Thị Anh Đào |         | Kỷ Dậu 1969   |            |         |
|        | Nguyễn Minh Trí    |         | Nhâm Tý 1972  |            |         |

### ĐỀ NGŨ THỂ ĐẠI ĐỜI THỨ NĂM

## NỘI TÔNG TÔN HẠ PHẢI

LIÊU ANH TUẤN

Địa chỉ:

| Vị thứ | Tên Khai Sanh | Tên húy | Năm sanh | Mệnh Chung | Mộ phần |
|--------|---------------|---------|----------|------------|---------|
|        |               |         |          |            |         |

## **NGOẠI TÀNG TÔN HẠ PHÁI**

**LIỄU THỊ NGỌC THUY – NGUYỄN XUÂN PHƯƠNG**

**Địa chỉ: 185/46 Nguyễn Văn Cừ Quận 5 Sài Gòn**

| Vị<br>thứ | Tên Khai Sanh  | Tên húy | Năm sanh     | Mệnh Chung | Mộ phần |
|-----------|----------------|---------|--------------|------------|---------|
| 2         | Nguyễn Xuân Vũ | Cu Bi   | Quý Hợi 1983 |            |         |

**LIỄU THỊ BẠCH TUYẾT – ĐỖ VĂN SƠN**

**Địa chỉ: 20 Tăng Bạt Hổ Qui Nhơn**

| Vị<br>thứ | Tên Khai Sanh | Tên húy | Năm sanh     | Mệnh Chung | Mộ phần |
|-----------|---------------|---------|--------------|------------|---------|
| 2         | Đỗ Thị Trà My |         | Tân Mùi 1991 |            |         |

## **ĐỀ TỬ THẾ ĐẠI** **ĐỜI THỨ TƯ**

**LIỄU THỊ NGỌC QUYÊN-**

**Địa chỉ:**

| Vị<br>thứ | Tên Khai Sanh | Tên húy | Năm sanh | Mệnh Chung | Mộ phần |
|-----------|---------------|---------|----------|------------|---------|
|           |               |         |          |            |         |
|           |               |         |          |            |         |

## **HẬU DUỆ NGOẠI TÔN HẠ PHÁI**

## **ĐỀ TAM THẾ ĐẠI** **ĐỜI THỨ BA**

**LIỄU THỊ THIỆP – TRẦN LỊNH**

**Địa chỉ:**

| Vị<br>thứ | Tên Khai Sanh | Tên húy | Năm sanh    | Mệnh Chung | Mộ phần |
|-----------|---------------|---------|-------------|------------|---------|
| 3         | Trần Thị Lư   |         | Ất Sửu 1925 |            |         |

**HẬU DUỆ NGOẠI TÀNG TÔN HẠ PHÁI**  
**ĐỀ TỬ THỂ ĐẠI**  
**ĐỜI THỨ TƯ**

TRẦN THỊ LƯ - HUỖNH SƠI

Địa chỉ: Cam Ranh Khánh Hòa

| Vị<br>thứ | Tên Khai Sanh      | Tên húy | Năm sanh       | Mệnh Chung  | Mộ phần    |
|-----------|--------------------|---------|----------------|-------------|------------|
| 3         | Huỳnh Thị Hạnh     |         | Ất Dậu 1945    | Ất Hợi 1995 | Đồng Trăng |
| 7         | Huỳnh Thị Lành     |         | Giáp Ngọ 1954  |             |            |
| 8         | Huỳnh Thị Sạch     |         | Bính Thân 1956 |             |            |
| 10        | Huỳnh Thị Kinh     |         | Canh Tí 1960   |             |            |
| 11        | Huỳnh Thị Hoàng    |         | Nhâm Dần 1962  |             |            |
| Dư        | Huỳnh Văn Thành    |         | Giáp Thìn 1964 |             |            |
| Thừa      | Huỳnh Thị Kim Liên |         | Mậu Thân 1968  |             |            |
|           |                    |         |                |             |            |

*Các ngày Vía...*  
**NGÀY GIỖ KỶ CHẠP**  
**TRONG NĂM ÂM LỊCH**

|                            |          |
|----------------------------|----------|
| Vía Quan Thánh             | 13 Giêng |
| Vía Bà Thiên Hậu Thánh Mẫu | 23 Ba    |
| Vía Khuất Nguyên           | 05 Năm   |
| Vu Lan Bồn                 | 15 Bảy   |

**NGÀY GIỖ HO**

|                        |         |
|------------------------|---------|
| Ngày Chạp mã           | 21 Chạp |
| Giỗ Tổ Liễu Phước Cang | 23 Ba   |

**THƯƠNG PHÁI**

|            |                                            |         |
|------------|--------------------------------------------|---------|
| <b>KỶ</b>  | Cố Liễu Phước Toàn                         | 22 Chạp |
|            | Bà Phan Thị Cơ                             | 11 Năm  |
|            | Tổ Cố Bà Liễu <u>Tuyền</u> , <i>Truyền</i> | 27 Chạp |
|            | Bà Nguyễn Thị Hào                          | 16 Mười |
| <b>GIỖ</b> | Cố Liễu Thiện Nguyên                       | 02 Chín |
|            | Liễu Xuân Cát                              | 02 Hai  |
|            | Cố Liễu Trường Thành                       | 12 Tám  |
|            | Liễu Trường Đề                             | 15 Mười |
|            | Liễu Lập Chánh                             | 26 Hai  |
|            | Bà Lê Thị Nhạn                             | 09 Hai  |
|            | Ngô Thị Kiêm                               | 16 Tám  |
|            | Liễu Thiên Trường                          | 07 Chín |
|            | Cố Liễu Văn Cử                             | 18 Mười |

**ĐỀ NHI PHÁI**

|                      |            |
|----------------------|------------|
| Kỵ cố Liễu Phước Hòa | 14 tháng 4 |
|----------------------|------------|

**ĐỀ HA PHÁI**

|                         |             |
|-------------------------|-------------|
| Kỵ cố Bà Liễu Phước Hội | 26 Mười một |
| Giỗ cố Liễu Đình Ngô    | 26 Giêng    |



## NGOẠI PHẢ

### A. NGUYỄN THỊ CẢ TỰ NGUYỄN THỊ ĐIỂM LỆ

Cố Bà sinh năm Nhâm Thân 1932, Trưởng nữ của Ông Bà Nguyễn Ngọc Cư và Nguyễn Lê Thị Nại (Cháu Ông Cửu Huýnh) sanh quán làng Hội Tĩnh, Ân hữu, Hoài Ân.

Học Lục: lớp nhì Tiểu học (bỏ túc văn hóa)

Tính tình tư cách: ảnh hưởng gia đình vọng tộc nho giáo, thuần thực hiền đức, lễ độ thật thà

Thân thế và sự nghiệp: của bà không có sự kiện nào đáng kể vì tuổi đời quá yếu chỉ đạt được tròn 24 cái xuân ... mờ!

Từ lúc sinh ra đến phút phải vĩnh viễn ra đi về cõi vĩnh hằng, bà lặng lẽ sống đơn giản bình dị của một phụ nữ Việt Nam thôn giả. Mang tiếng con nhà giàu và được làm dâu nhà địa chủ nhưng đến chết vẫn chưa có một tư sản nào mà chỉ sống nhờ bên Cha mẹ! Đến năm 22 tuổi (1953) mới sinh được con gái đầu lòng (con so nhà mẹ...) tên Thanh và được khai sanh là Liễu Thị Hạnh Đào. Bà từ trần vì bạo bệnh một cách đột ngột!... Sau mấy ngày cắt gặt lúa tháng 2 và tắm đêm, ăn bánh thịt nguội của ngày giỗ (27.02). Bà trút hơi thở cuối cùng vào lúc 03 giờ sáng ngày 29.02 năm Quý Mùi 1955 và được an táng tại Vườn Tị Hội nhơn, trong lúc Ông Liễu Thiên Ba còn ở Phan Thiết (Bình Thuận). Sau ngày từ Phan Thiết về thọ tang (1 tháng sau) để hoài vọng bà, ông Ba viết câu liễn thờ như sau:

Tán thán đức hạnh của bà lúc còn sống

**VỀ 1: BẢY TÁM NĂM LƯU TIẾNG DÂU HIỀN, VẸN TÌNH CHỒNG, TRÒN NGHĨA VỢ, ĐEN BẠC LỄ ĐỜI TỪNG CAM CHỊU;**

Nói lên tình cảnh đau lòng của một cuộc ra đi

**VỀ 2: HAI BỐN TUỔI VỢI RỜI DƯƠNG THẾ, KHÔNG CHA CHÚ, THIẾU CHỒNG EM, THÊ LƯƠNG GIA CẢNH CUỘC PHÂN LY!**

### B. NGUYỄN THỊ THIỆN

Sanh năm Kỷ Tỵ 1929 tại thôn Hội Long xã Ân Hào, con gái út thứ 7 mồ côi cha mẹ rất sớm, phải sống với anh chị con bác ruột (anh Đôn).



